


PHẦN 1. HỆ ĐIỀU HÀNH WINDOWS

Nội dung trình bày

- ❖ 1.1. Thao tác cơ bản sử dụng máy tính
- ❖ 1.2. Màn hình nền desktop
- ❖ 1.3. Quản lý tệp tin và thư mục
- ❖ 1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer

Nội dung trình bày

- 
- ❖ 1.1. Thao tác cơ bản sử dụng máy tính
 - ❖ 1.2. Màn hình nền desktop
 - ❖ 1.3. Quản lý tệp tin và thư mục
 - ❖ 1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer
 - ❖ 1.5. Bài luyện tập

1.1. Cơ bản về sử dụng máy tính

- ❖ 1.1.1. Khởi động máy tính
- ❖ 1.1.2. Tắt máy tính
- ❖ 1.1.3. Các loại đối tượng trên Windows
- ❖ 1.1.4. Các thao tác với chuột

1.1.1. Khởi động máy tính



Vỏ máy



Nút nguồn



1.1.2. Tắt máy tính

❖ Tắt máy tính theo cách thông thường

Lưu tất cả các tệp tin, đóng tất cả các chương trình ứng dụng đang mở



Stand By: chế độ dự phòng

Turn Off: tắt máy

Restart: khởi động lại máy

1.1.2. Tắt máy tính

❖ Tắt máy tính theo cách áp đặt

Bấm và giữ nút nguồn Power trong khoảng 20 giây



Vỏ máy



Nút nguồn

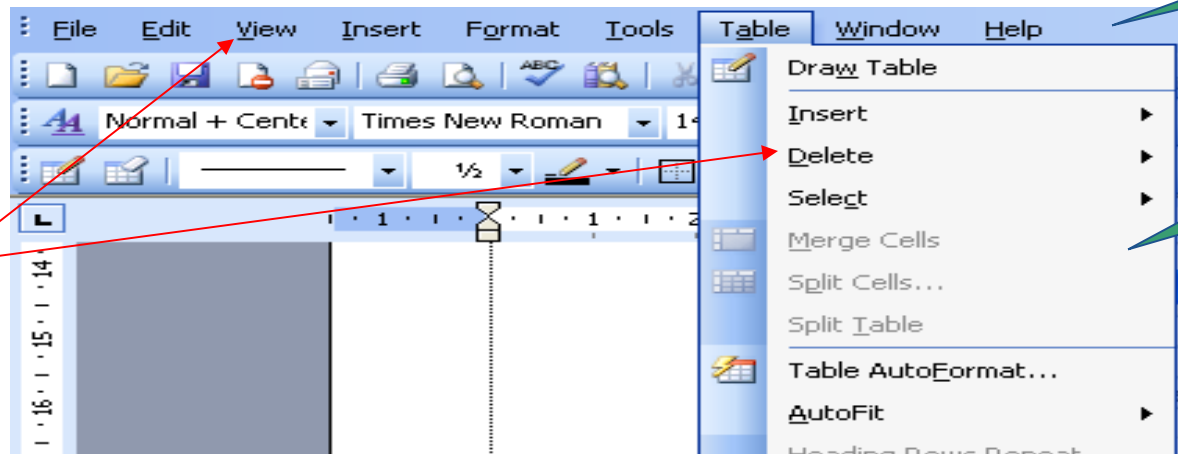
2.1.3. Các loại đối tượng trong Windows

❖ Thực đơn (Menu)

Tập các thao tác được hiển thị trên màn hình mà người sử dụng có thể lựa chọn.

❖ Mục

Một lựa chọn (thao tác) trên thực đơn



Thanh thực đơn

Thực đơn
kéo xuống

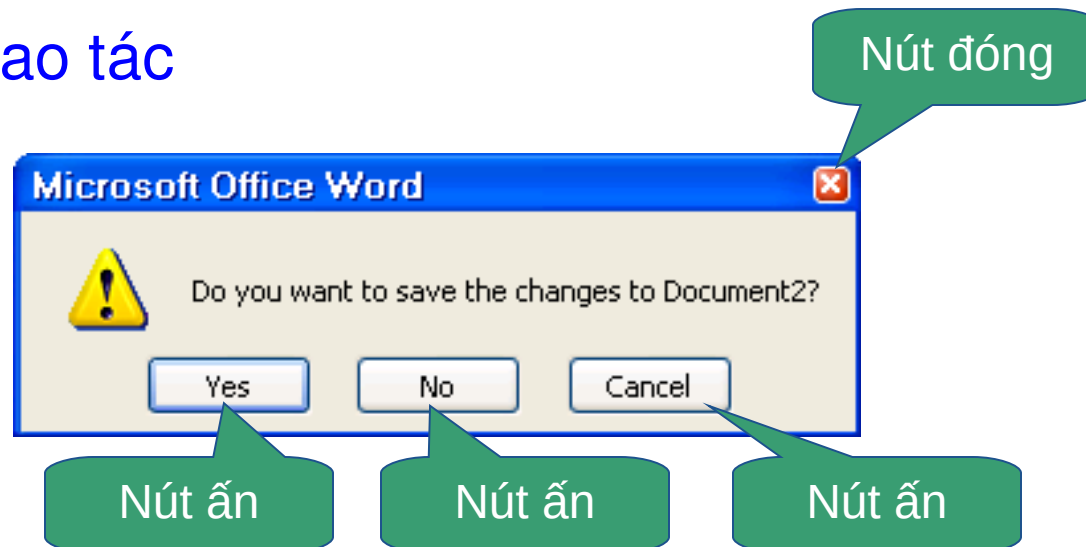
1.1.3. Các loại đối tượng trong Windows

❖ Hộp thoại

Là một cửa sổ nhỏ giao tiếp giữa người sử dụng và chương trình

❖ Nút

Cung cấp cho người sử dụng một cách đơn giản để kích hoạt một thao tác



1.1.3. Các loại đối tượng trong Windows

❖ Tập tin

- Một tập các thông tin có liên quan với nhau mà máy tính có thể truy nhập thông qua tên.



A2_Phan2



Tin hoc van phong

❖ Thư mục

- Là một vùng lưu trữ các tập tin.
- Một thư mục có thể có nhiều thư mục con



Thumuc1

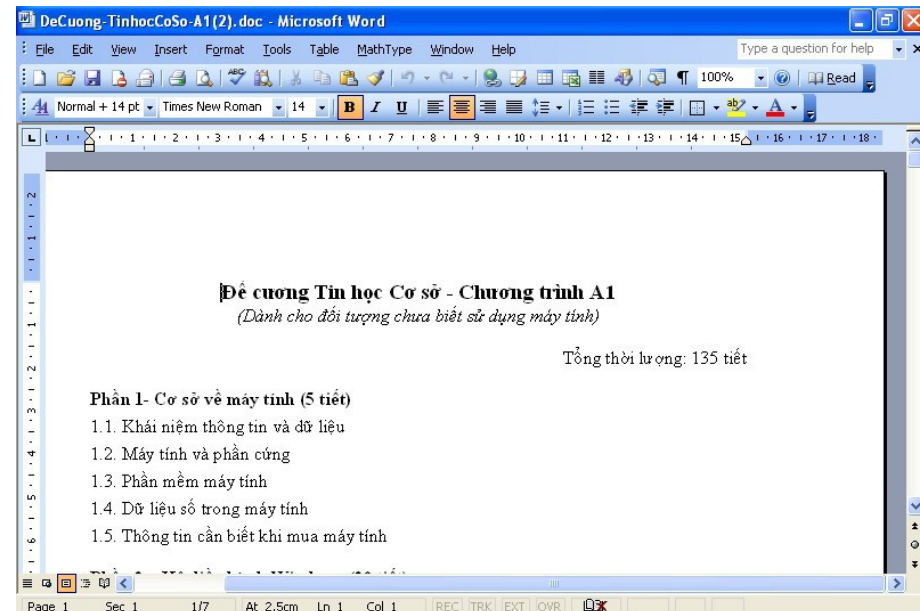
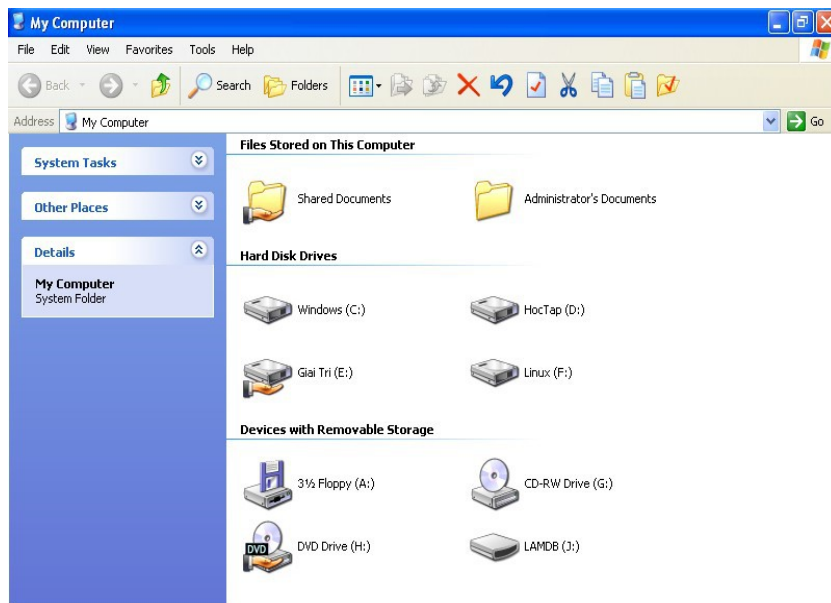
❖ Biểu tượng

- Là những hình ảnh nhỏ biểu diễn tập tin, thư mục, phần cứng....

1.1.3. Các loại đối tượng trong Windows

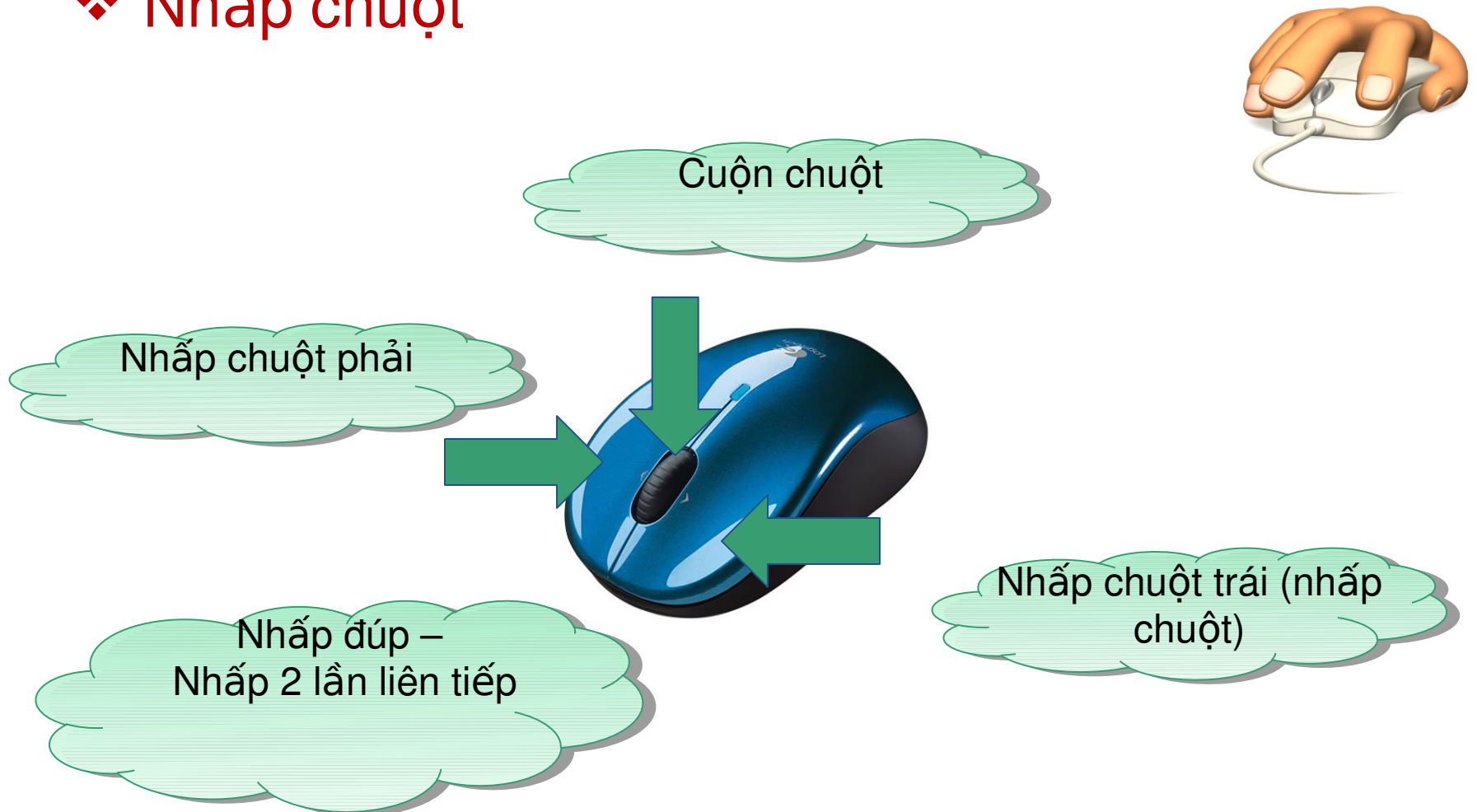
❖ Cửa sổ

Thường là một hình chữ nhật, hiển thị đầu ra hoặc cho phép nhập dữ liệu...



1.1.4. Các thao tác với chuột

❖ Nhấp chuột



1.1.4. Các thao tác với chuột

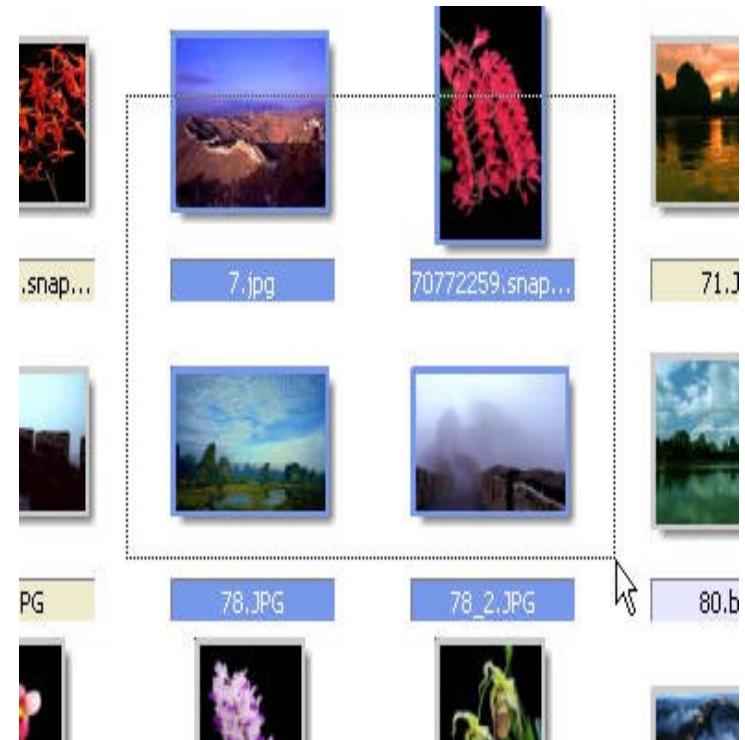
- ❖ Chọn và thao tác
 - Di chuyển chuột đến đối tượng cần thao tác rồi nhấp chuột để chọn
 - Đối tượng được tô xanh



1.1.4. Các thao tác với chuột

❖ Lựa chọn nhiều đối tượng

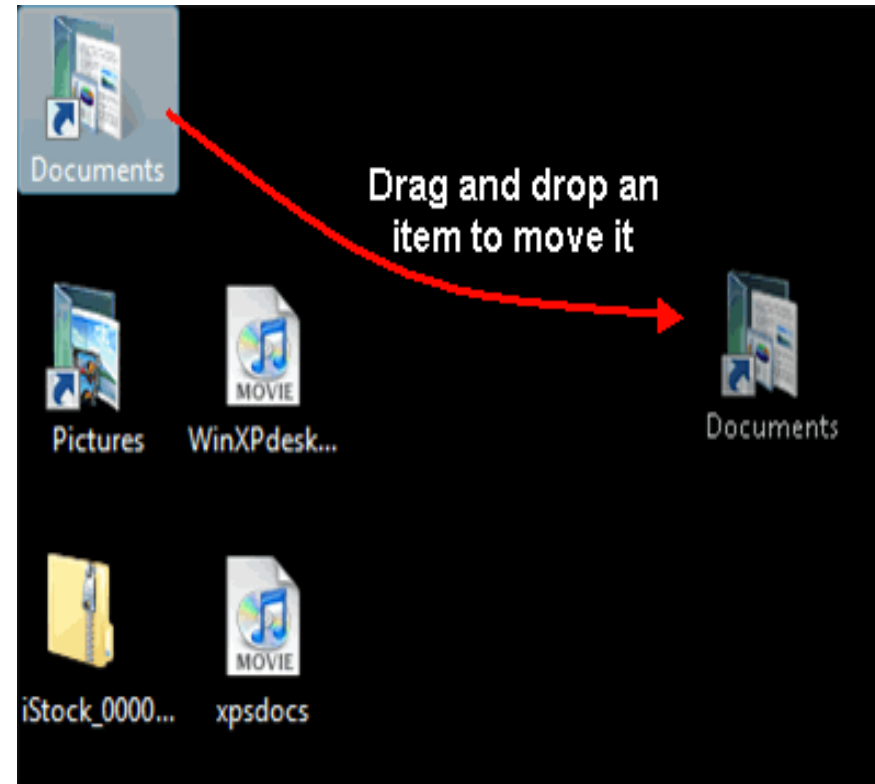
- C1: Giữ chuột và kéo phủ hết bề mặt các đối tượng cần chọn
- C2: Vừa giữ phím Ctrl vừa nhấp chọn từng đối tượng một
- C3: Ctrl + A – chọn tất cả các đối tượng
- ...



1.1.4. Các thao tác với chuột

❖ Kéo thả (drag and drop)

- Chọn đối tượng
- Giữ chuột
- Dịch chuyển đối tượng
- Bỏ chọn đối tượng



1.1.5. Bài thực hành



Nội dung trình bày

❖ 1.1. Thao tác cơ bản sử dụng máy tính

➔ ❖ 1.2. Màn hình nền desktop

❖ 1.3. Quản lý tệp tin và thư mục

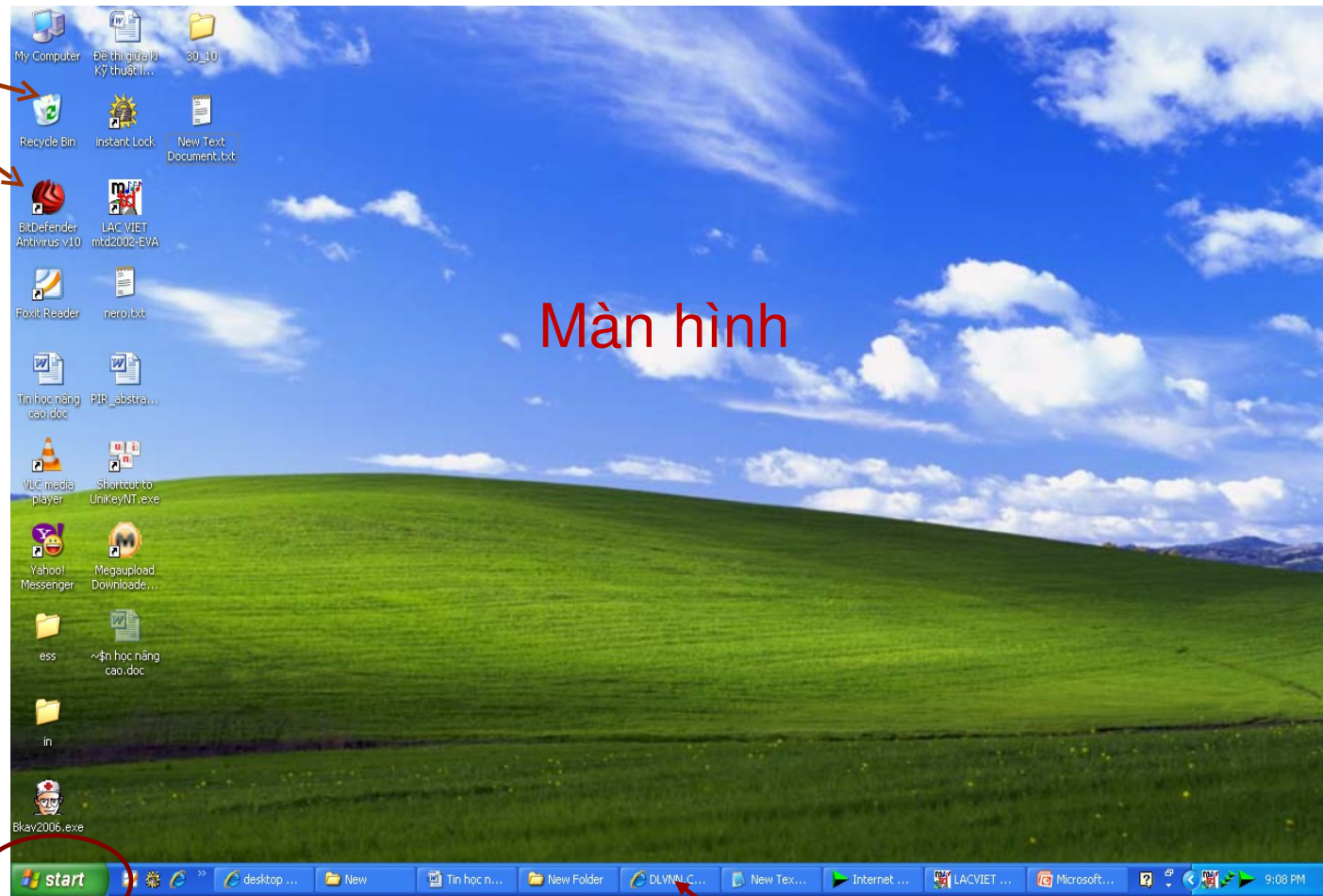
❖ 1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer

1.2. Màn hình nền desktop

- ❖ 1.2.1. Các biểu tượng
- ❖ 1.2.2. Nút Start
- ❖ 1.2.3. Kích hoạt chương trình
- ❖ 1.2.4. Các thao tác với cửa sổ
- ❖ 1.2.5. Thanh công việc

1.2.1. Các biểu tượng

Biểu tượng

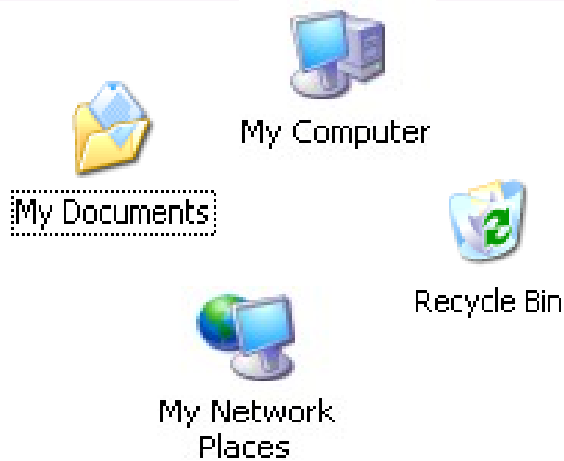


Màn hình

Menu Start

Thanh công việc

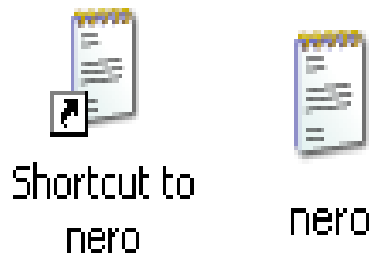
1.2.1. Các biểu tượng



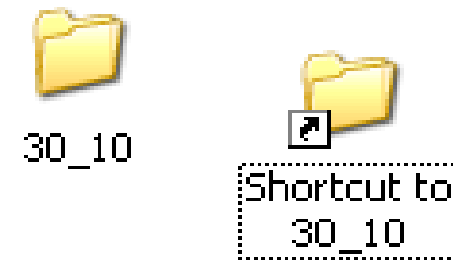
Biểu tượng của hệ điều hành



Biểu tượng ứng dụng



Biểu tượng tệp tin

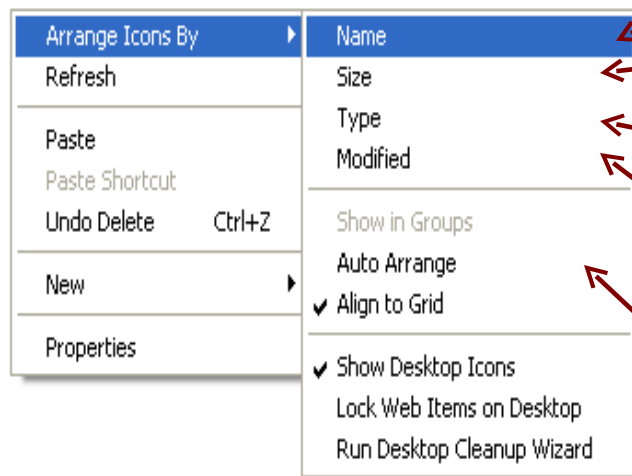


Biểu tượng thư mục

1.2.1. Các biểu tượng

❖ Sắp xếp các biểu tượng trên màn hình

Nhấp chuột phải vào màn hình Desktop



Sắp xếp theo tên

Sắp xếp theo kích cỡ

Sắp xếp theo loại

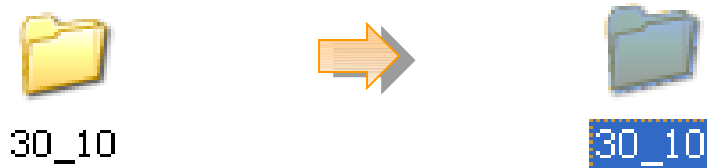
Sắp xếp theo ngày sửa đổi

Sắp xếp tự động

1.2.1. Các biểu tượng

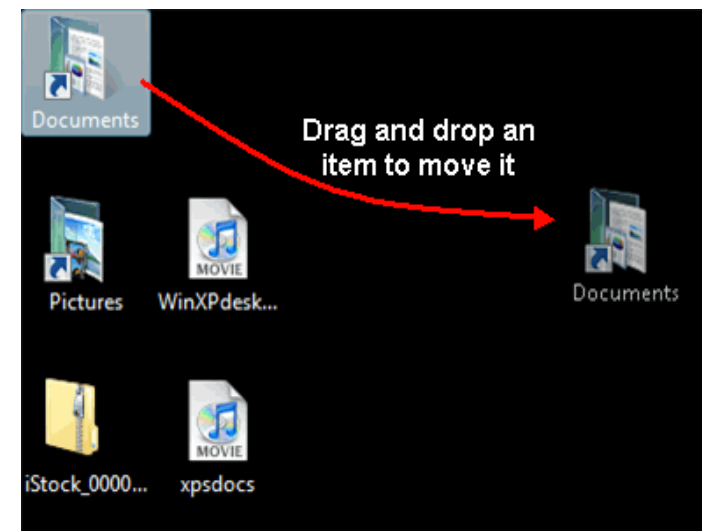
❖ Chọn biểu tượng:

- Di chuột đến biểu tượng và nhấp chuột

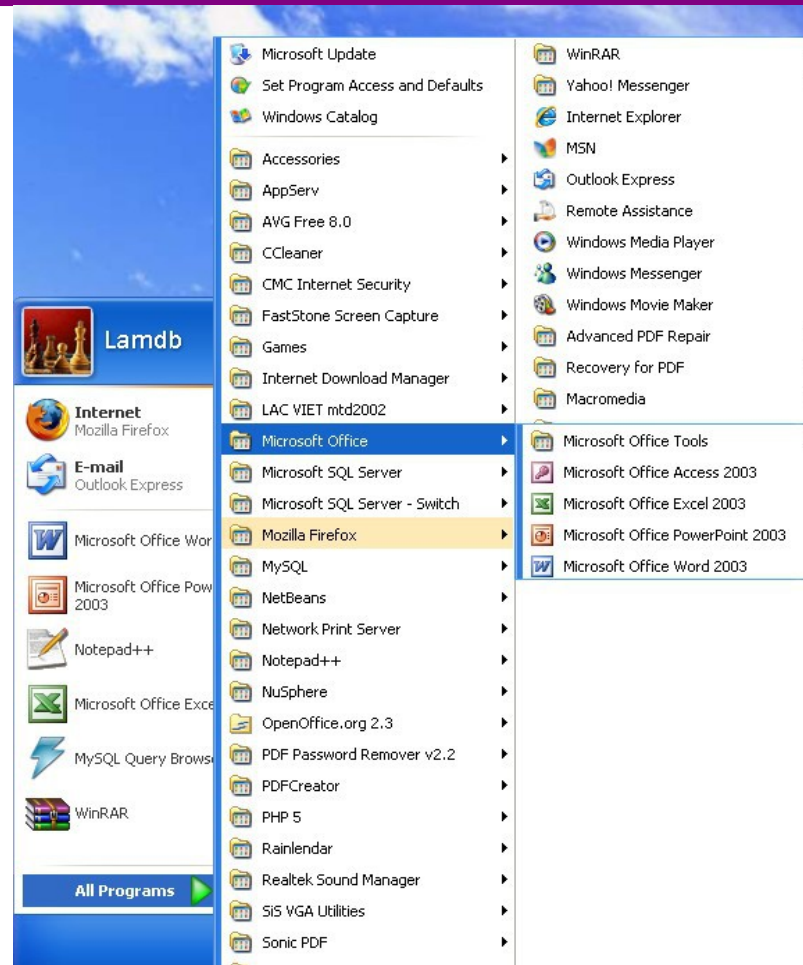


❖ Di chuyển biểu tượng

- Chọn và di chuột để chuyển biểu tượng đến vị trí mong muốn



1.2.2. Nút Start

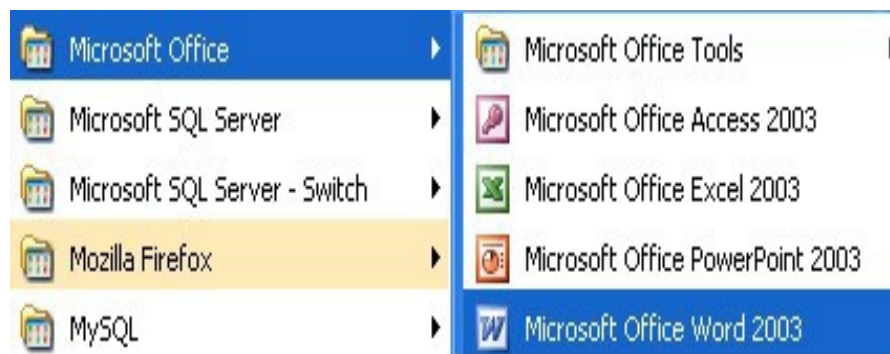


Thực đơn khởi động

Lựa chọn chương trình
thông qua thực đơn

1.2.3. Kích hoạt chương trình

- ❖ Cách 1. Kích hoạt thông qua thực đơn Start



Cách 1

- ❖ Cách 2. Nhập đúp vào biểu tượng của chương trình trên màn hình nền



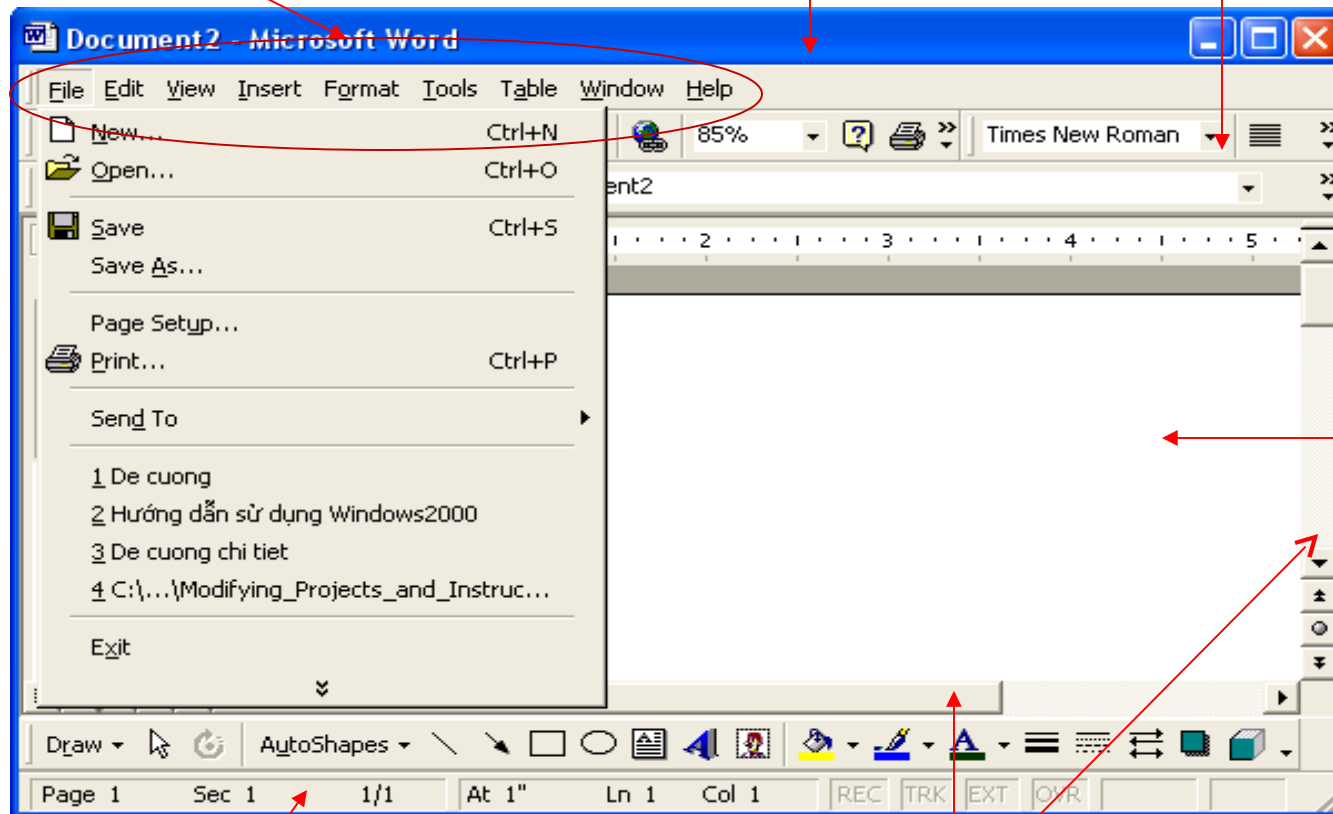
Cách 2

1.2.4. Làm việc với cửa sổ

Thanh thực đơn

Thanh tiêu đề

Thanh công cụ



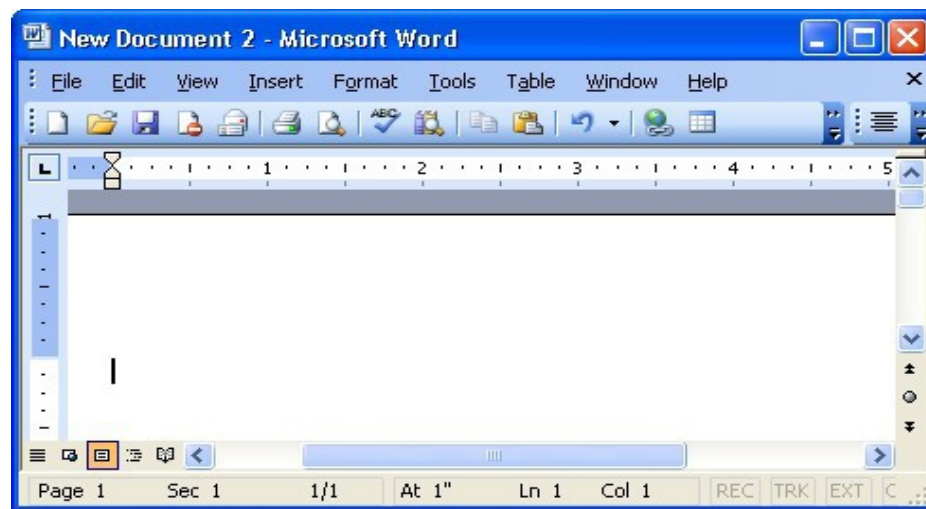
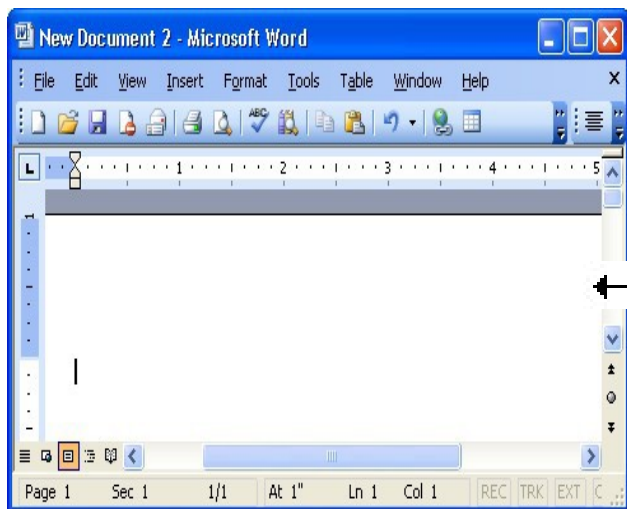
Vùng làm việc

Thanh trạng thái

Thanh cuộn (ngang, dọc)

1.2.4. Làm việc với cửa sổ

- ❖ Di chuyển cửa sổ
 - Kéo thả đối với thanh tiêu đề
- ❖ Thay đổi kích thước cửa sổ
 - Trỏ chuột vào cạnh, góc của cửa sổ và kéo



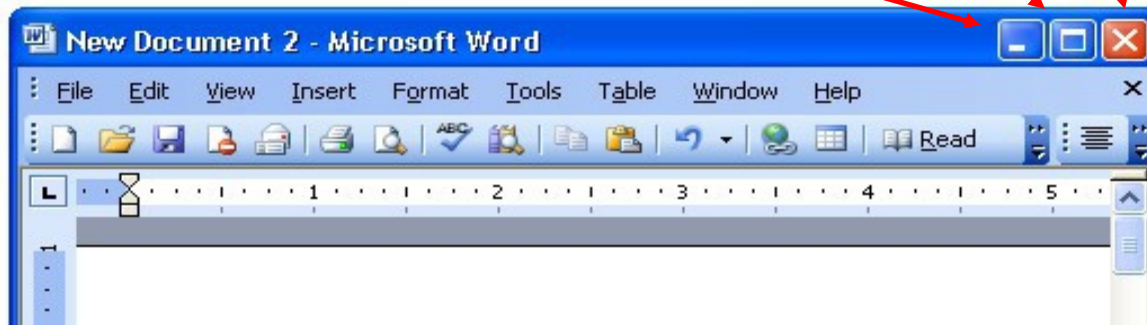
1.2.4. Làm việc với cửa sổ

Mở rộng cửa sổ

Đóng cửa sổ

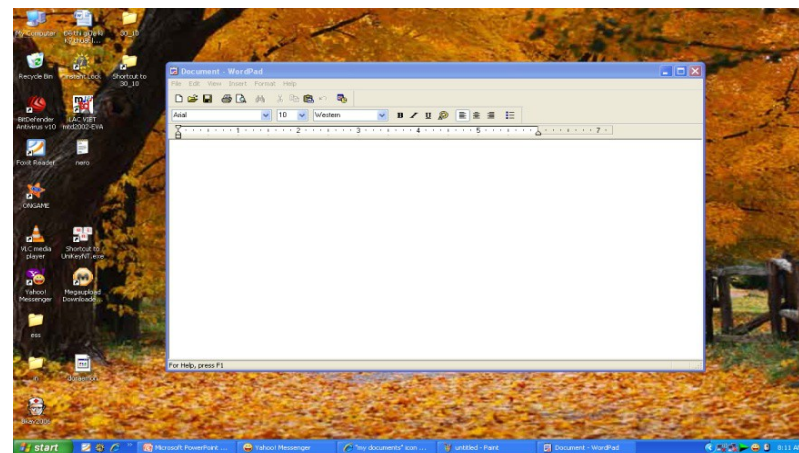
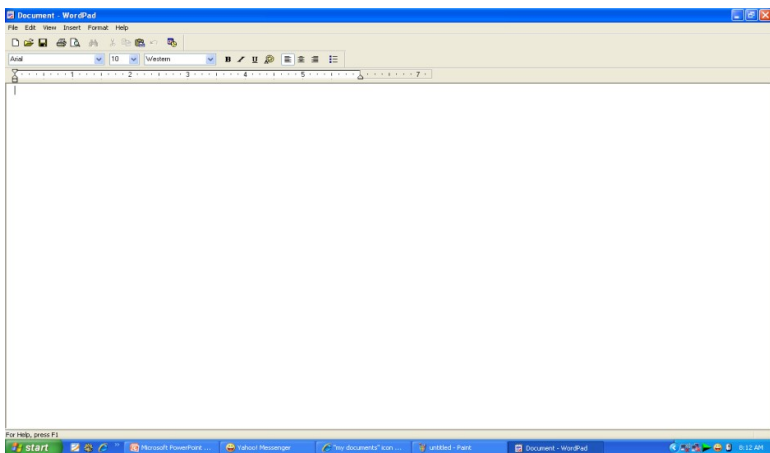
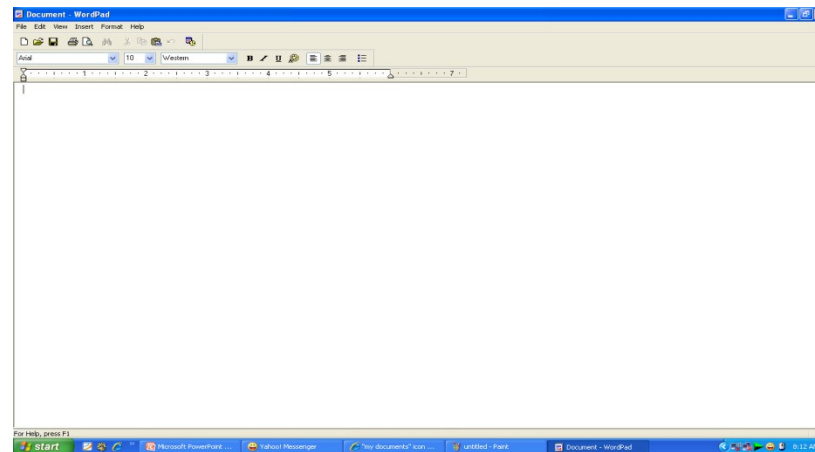
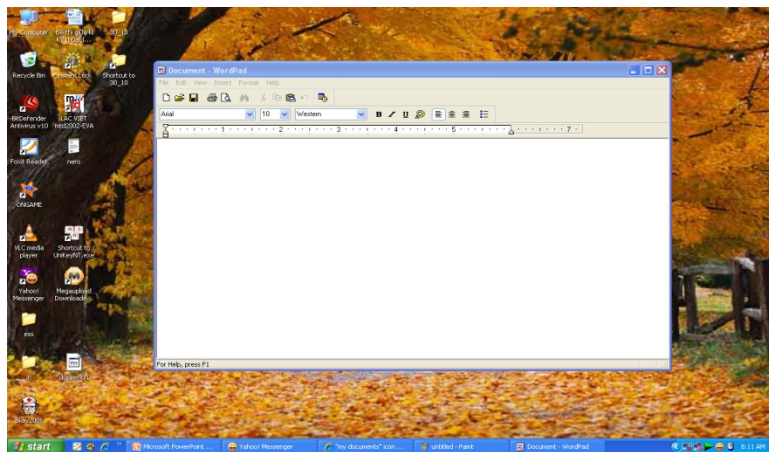
Thu nhỏ cửa sổ

Có thể dùng tổ hợp phím Alt-F4 để đóng cửa sổ



1.2.4. Làm việc với cửa sổ

Phóng to cửa sổ



Trở về kích thước cũ

1.2.5. Thanh công việc

Sử dụng thanh công việc, chọn cửa sổ mình thích

Các cửa sổ hiện thời



Cũng có thể dùng tổ hợp phím Alt-Tab

Nội dung trình bày

- ❖ 1.1. Thao tác cơ bản sử dụng máy tính
- ❖ 1.2. Màn hình nền desktop
- ❖ 1.3. Quản lý tệp tin và thư mục
- ❖ 1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer



1.3. Quản lý tệp và thư mục

- ❖ 1.3.1. Ổ đĩa, thư mục, tệp tin
- ❖ 1.3.2. Giới thiệu Windows Explorer
- ❖ 1.3.3. Sao chép, di chuyển, xóa thư mục và tệp tin
- ❖ 1.3.4. Đổi tên, tìm kiếm và hiển thị các thư mục, tệp

a. Khái niệm ổ đĩa

❖ Ổ đĩa vật lý và logic:



Đĩa cứng vật lý



Hệ điều hành
chia một cách
logic và đặt tên

Đĩa cứng logic

Lưu trữ dữ liệu

Hard Disk Drives



Local Disk (C:) Local Disk (D:) BACKUP (E:) SETUP (F:)

b. Khái niệm tệp tin

❖ Tệp tin (File):

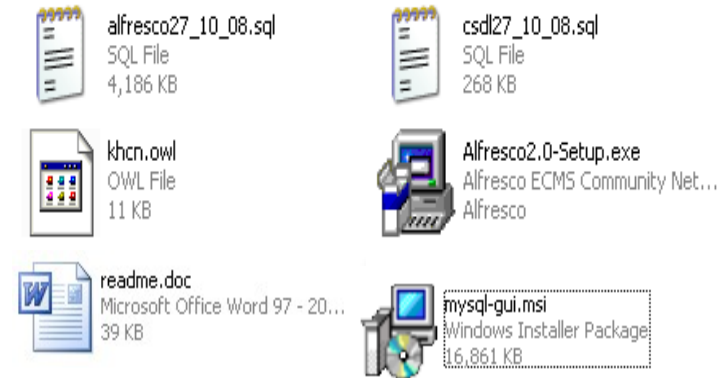
- Là đối tượng chứa dữ liệu

- Tên gồm có 2 phần:

Tên_tệp_tin.Kiểu_tệp_tin

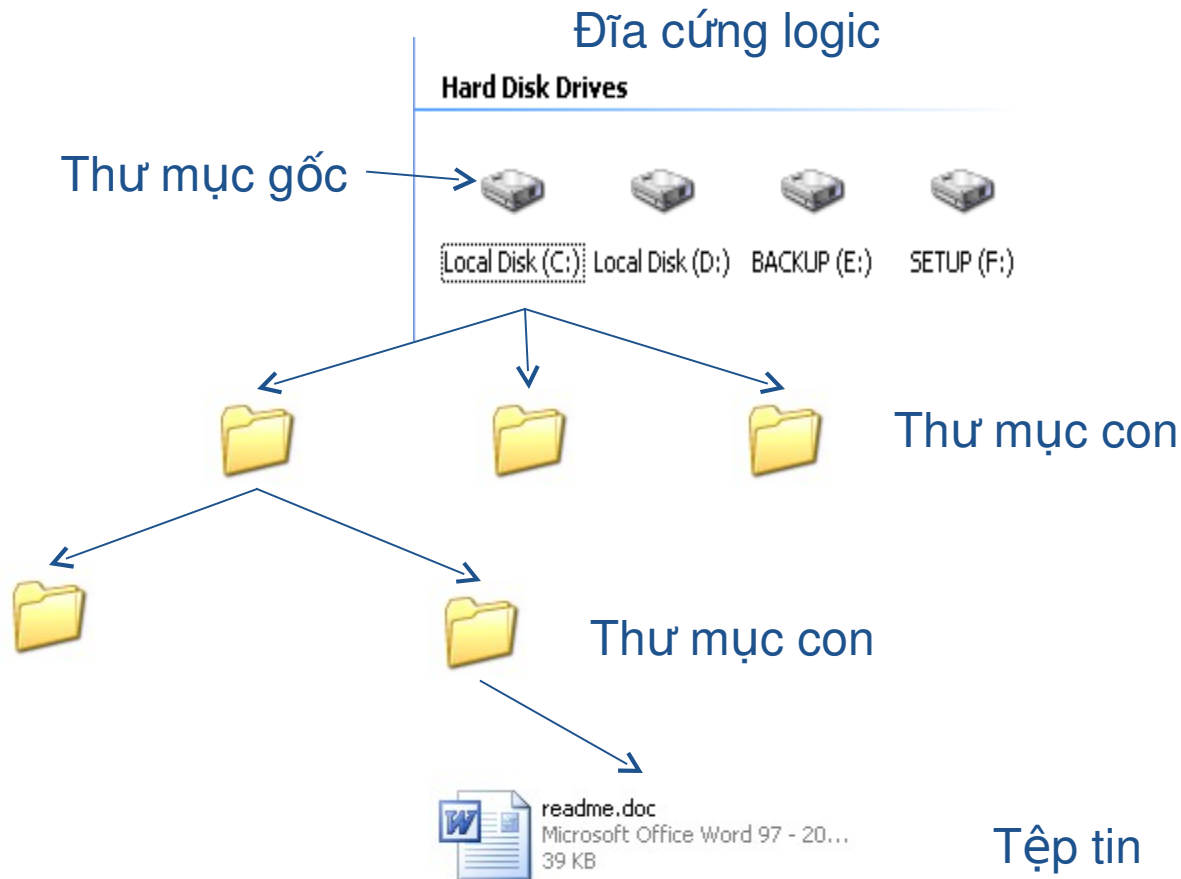


doc, rtf, txt – file văn bản
exe, bat – tệp chương trình
mp3, dat, cda – tệp chứa âm thanh, video
gif, jpeg, bmp – tệp chứa hình ảnh



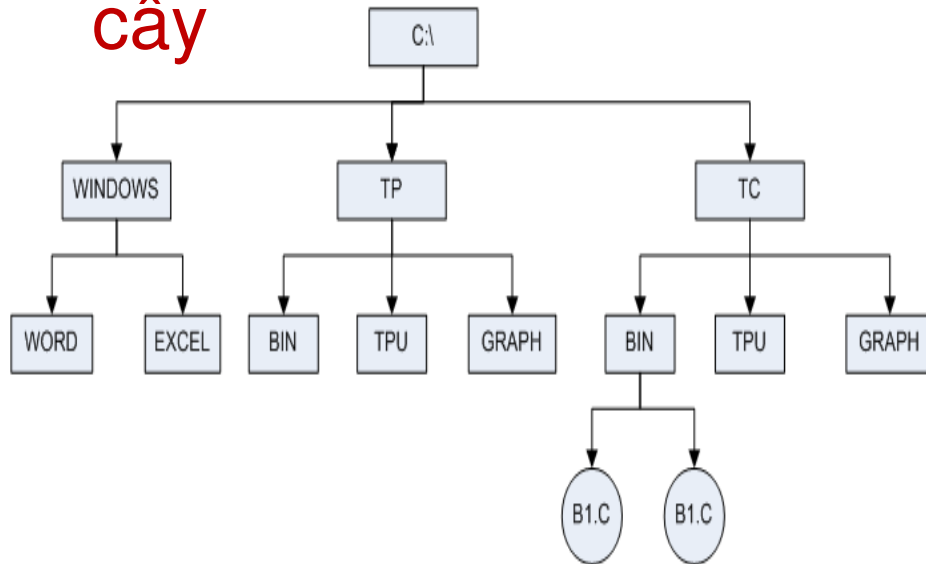
c. Khái niệm thư mục

❖ Thư mục (Directory): *Lưu trữ, sắp xếp tệp*

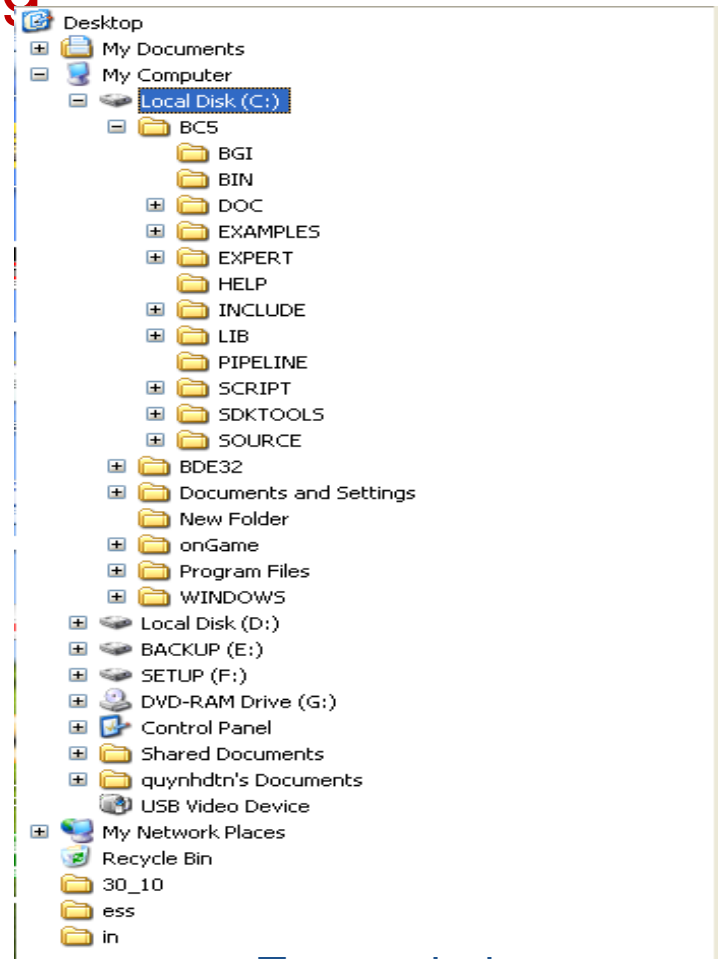


d. Cấu trúc phân cấp dạng cây

❖ Cấu trúc phân cấp dạng cây



Mô tả cấu trúc thư mục, tệp tin

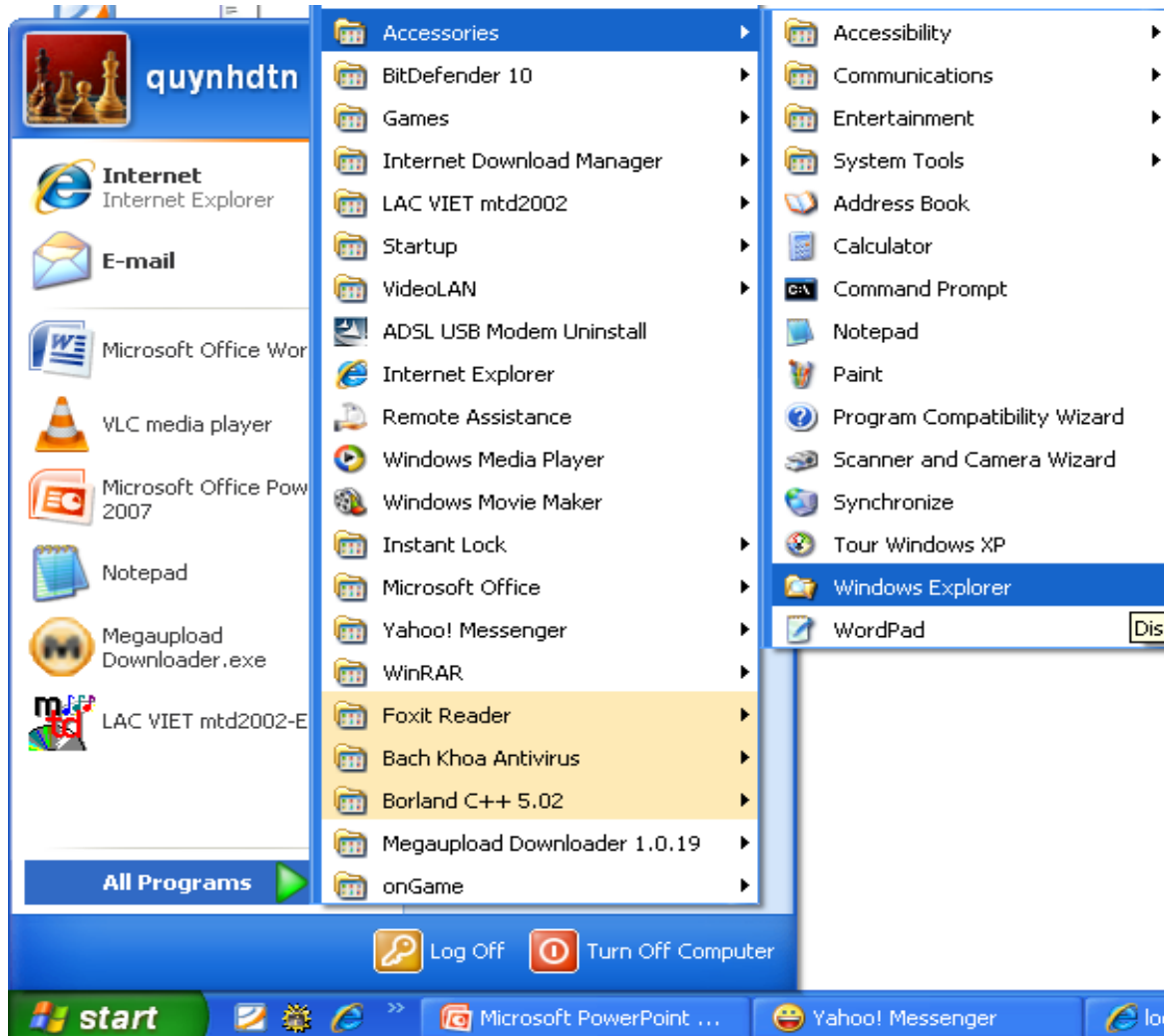


Trong windows

1.3. Quản lý tệp và thư mục

- ❖ 1.3.1. Ổ đĩa, thư mục, tệp tin
- ❖ 1.3.2. Giới thiệu Windows Explorer
- ❖ 1.3.3. Sao chép, di chuyển, xóa thư mục và tệp tin
- ❖ 1.3.4. Đổi tên, tìm kiếm và hiển thị các thư mục, tệp

1.3.1. Giới thiệu Windows Explorer



Sử dụng menu Start để mở

1.3.1. Giới thiệu Windows Explorer

❖ Cách 2

Nhấn hai phím Windows và E

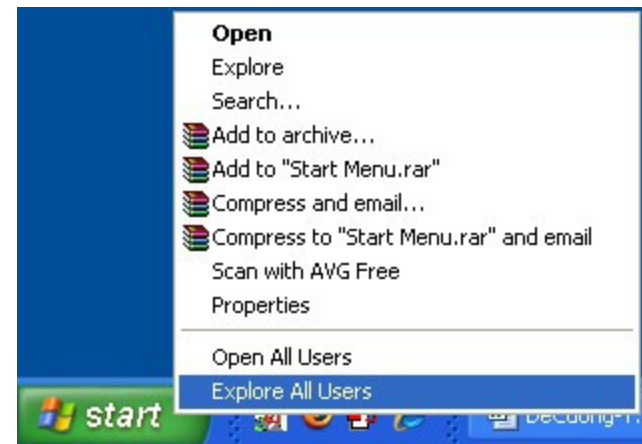


❖ Cách 3

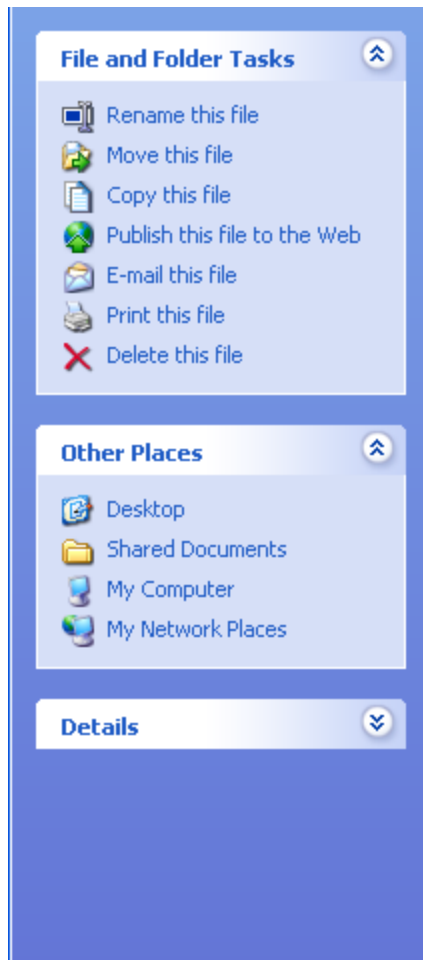
Để chuột ở nút Start

Nhấp chuột phải

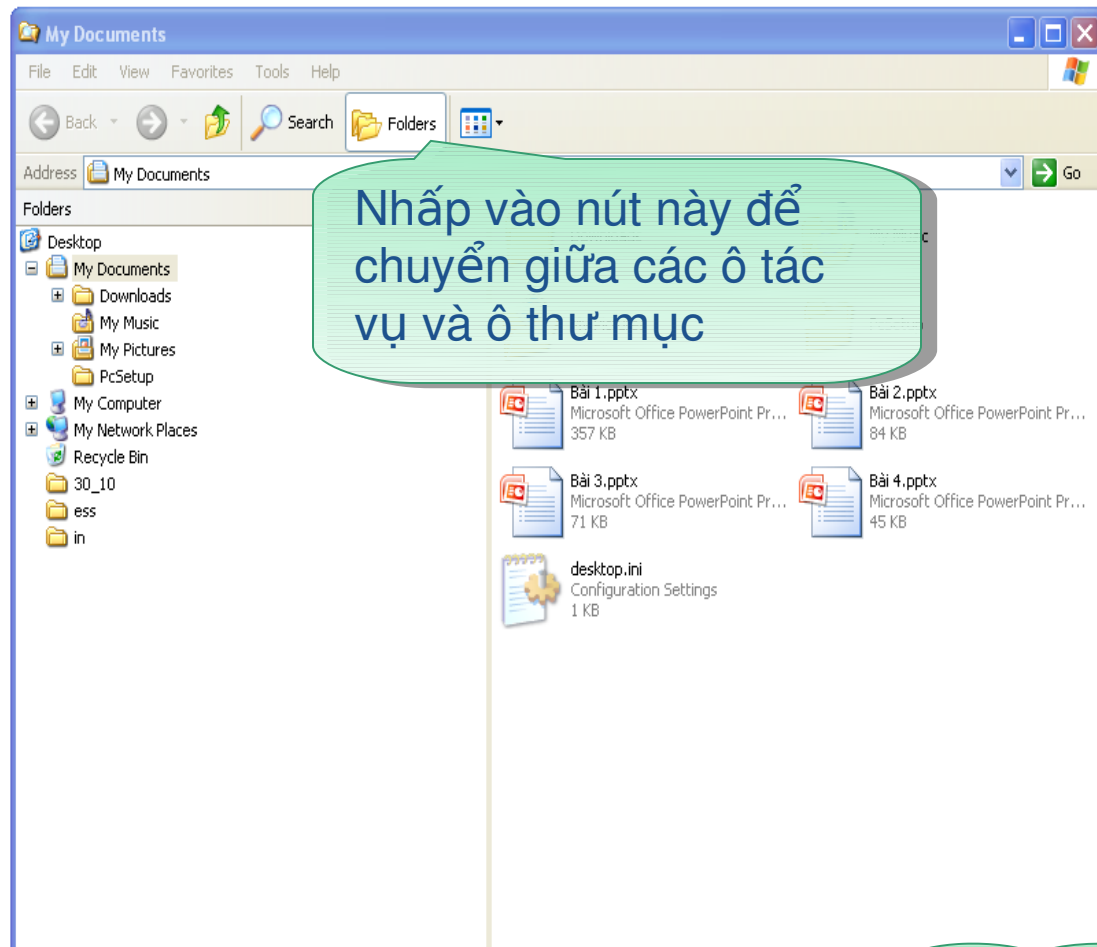
Chọn Explorer All Users



1.3.1. Giới thiệu Windows Explorer



ô tác vụ



ô thư mục

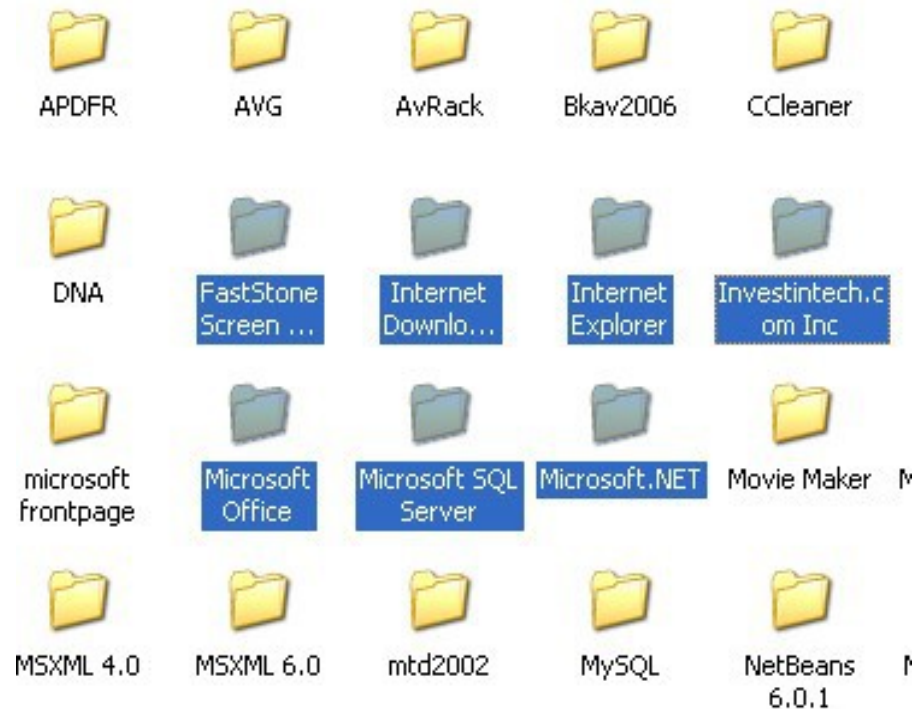
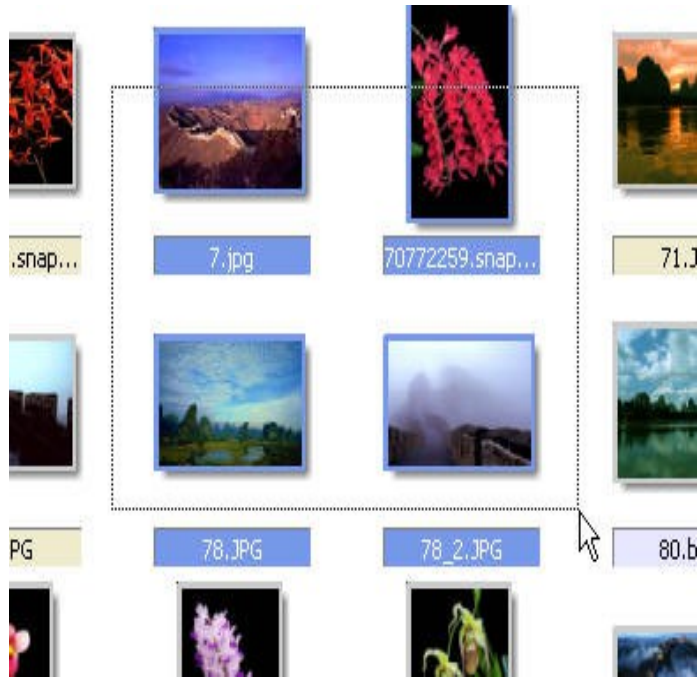
Phần bên trái có thể là ô tác vụ hoặc ô thư mục

1.3. Quản lý tệp và thư mục

- ❖ 1.3.1. Ổ đĩa, thư mục, tệp tin
- ❖ 1.3.2. Giới thiệu Windows Explorer
- ❖ 1.3.3. Sao chép, di chuyển, xoá thư mục và tệp
- ❖ 1.3.4. Đổi tên, tìm kiếm và hiển thị các thư mục, tệp

a. Chọn tệp tin, thư mục

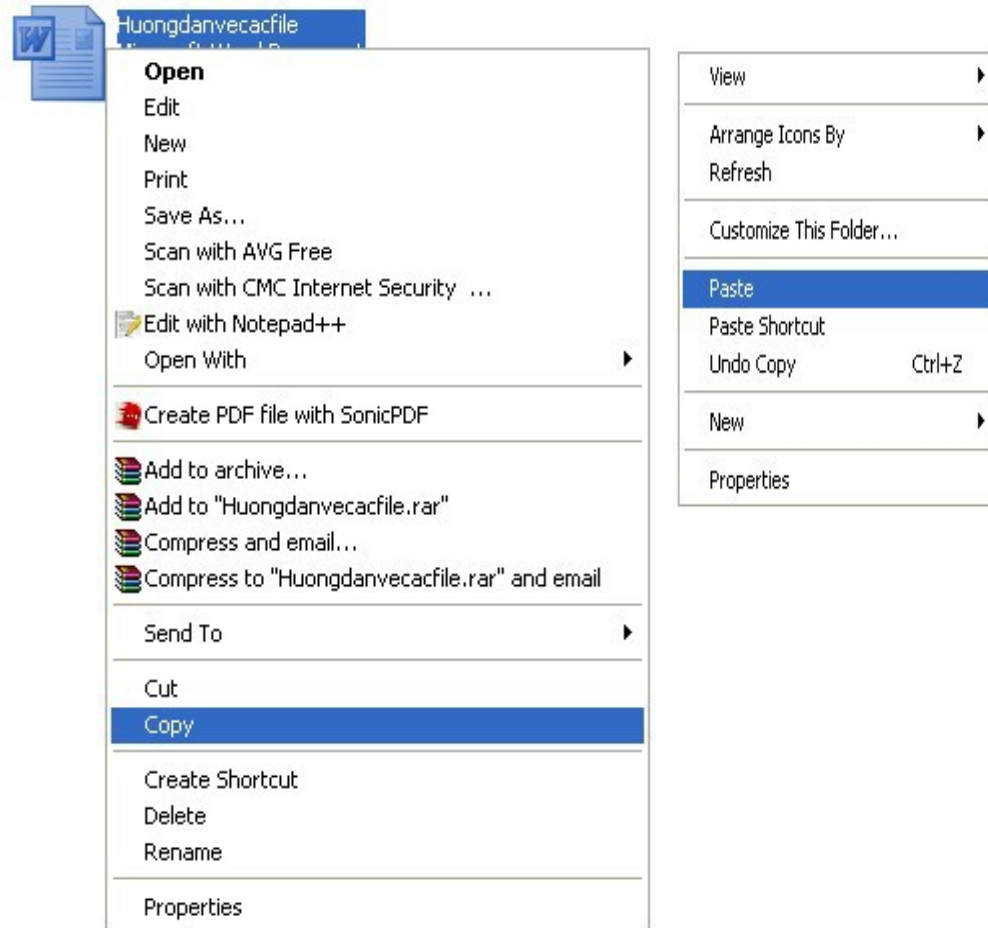
- ❖ Sử dụng chuột để chọn một hay nhiều tệp tin, thư mục



b. Sao chép tệp tin, thư mục

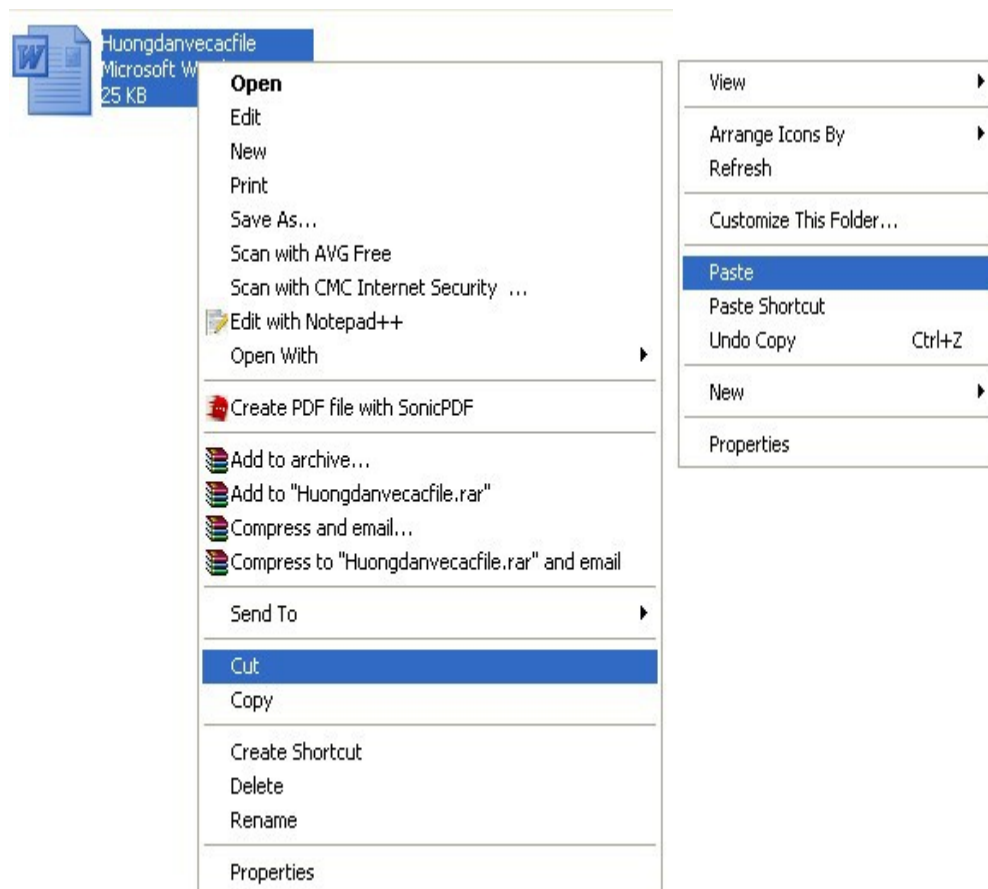
- ❖ Chọn tệp tin, thư mục
- ❖ Nhấn chuột phải, chọn Copy (sao chép)
- ❖ Tại nơi sao chép đến, nhấn chuột phải chọn Paste (dán)

*Tệp tin, thư mục cũ vẫn
tồn tại!*



c. Di chuyển tệp tin, thư mục

- ❖ Tương tự
- ❖ Chọn Cut (cắt) thay
Copy (sao chép)



Tệp tin, thư mục cũ bị xóa!

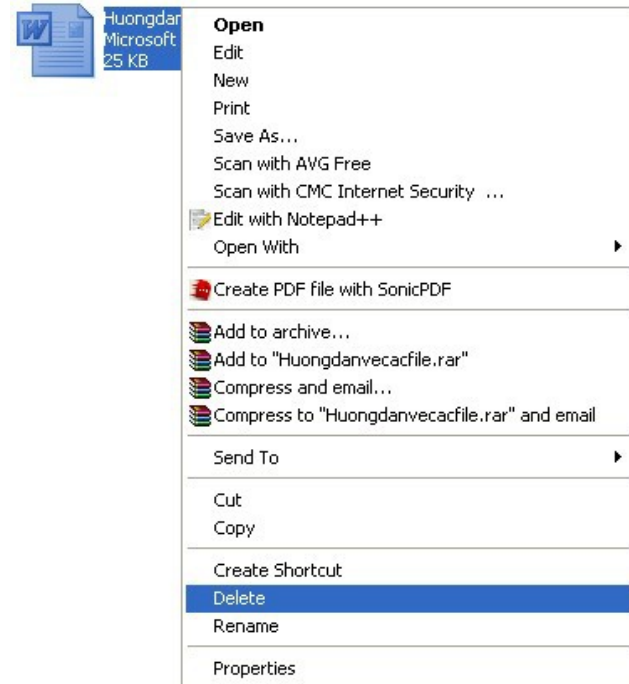
d. Xóa tệp tin, thư mục

❖ Cách 1

- Chọn tệp tin, thư mục
- Nhấp chuột phải,
- Chọn Delete (xóa)

❖ Cách 2

- Chọn tệp tin, thư mục
- Nhấn phím Delete



d. Xóa tệp tin, thư mục

❖ Hộp thoại yêu cầu xác nhận

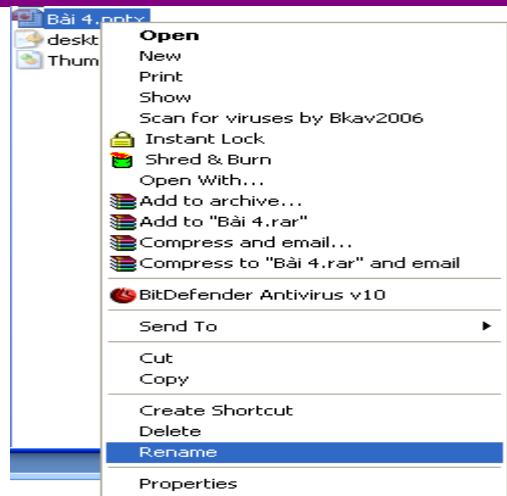


- Yes: Tệp tin, thư mục cũ bị đưa vào thùng rác
- No : Không xóa

1.3. Quản lý tệp và thư mục

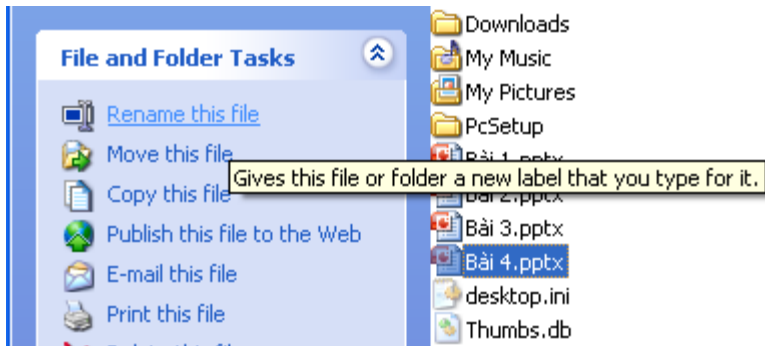
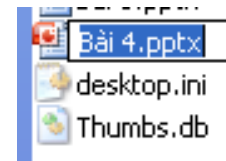
- ❖ 1.3.1. Ổ đĩa, thư mục, tệp tin
- ❖ 1.3.2. Giới thiệu Windows Explorer
- ❖ 1.3.3. Sao chép, di chuyển, xóa thư mục và tệp tin
- ❖ 1.3.4. Đổi tên, tìm kiếm và hiển thị các tệp tin, thư mục
- ❖ 1.3.5. Bài thực hành 2.3

a. Đổi tên tệp tin



Cách 1: Nhấp chuột phải tên tệp tin, chọn *rename*

Cách 2: Chọn tệp, ấn F2

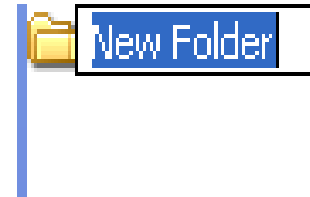


Cách 3: Chọn tệp, chọn rename this file trong ô tác vụ

b. Tạo, đổi tên thư mục

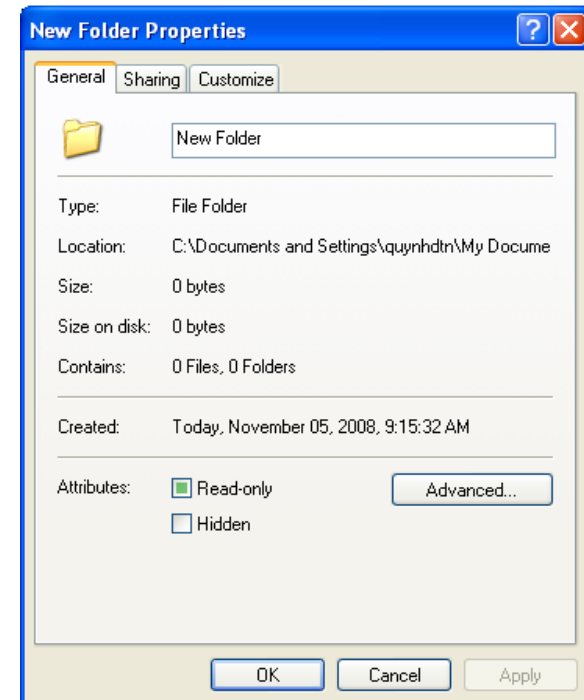
❖ Tạo thư mục:

- Nhấp chuột vào khoảng trống
- Chọn New > folder

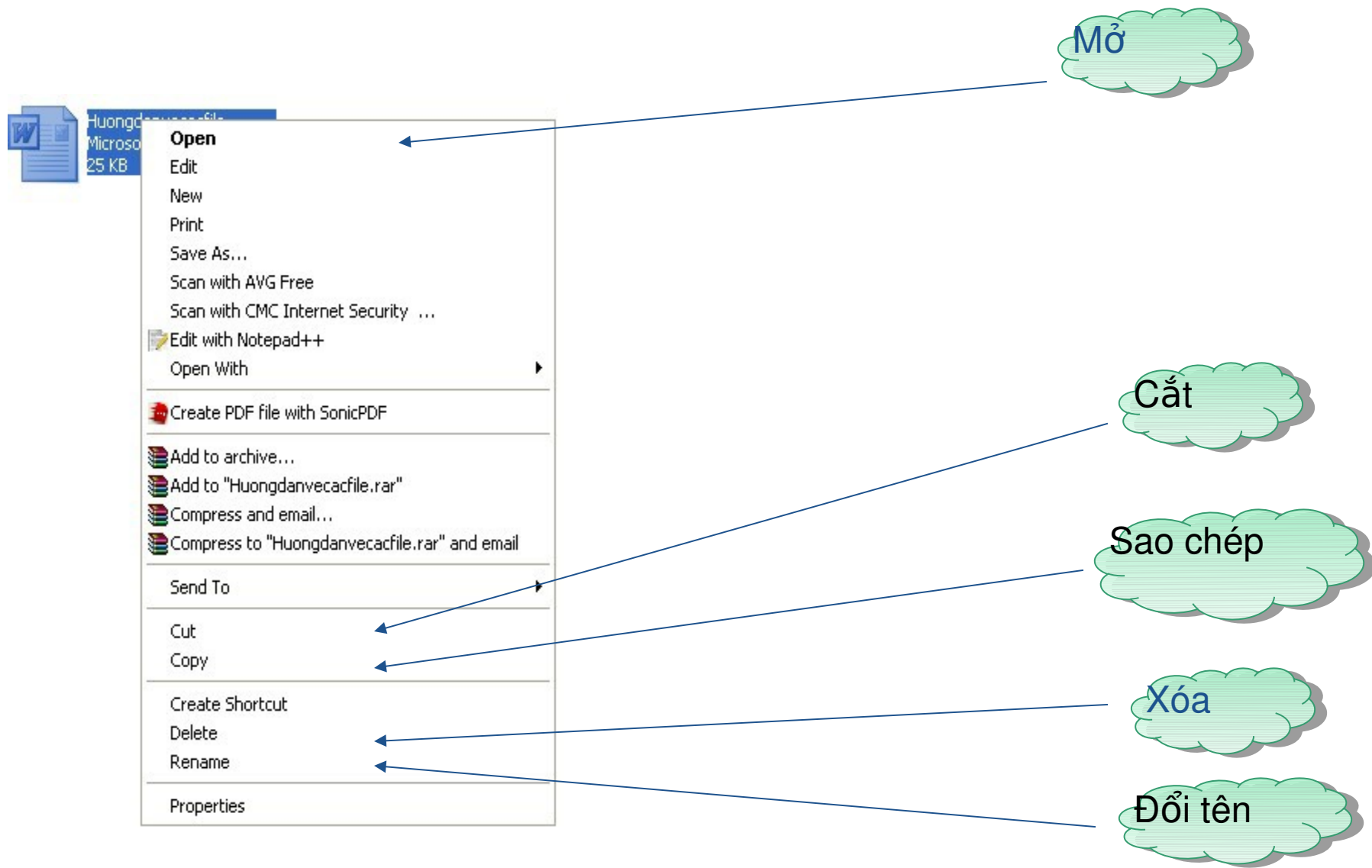


❖ Đổi tên thư mục:

- Giống đổi tên tệp



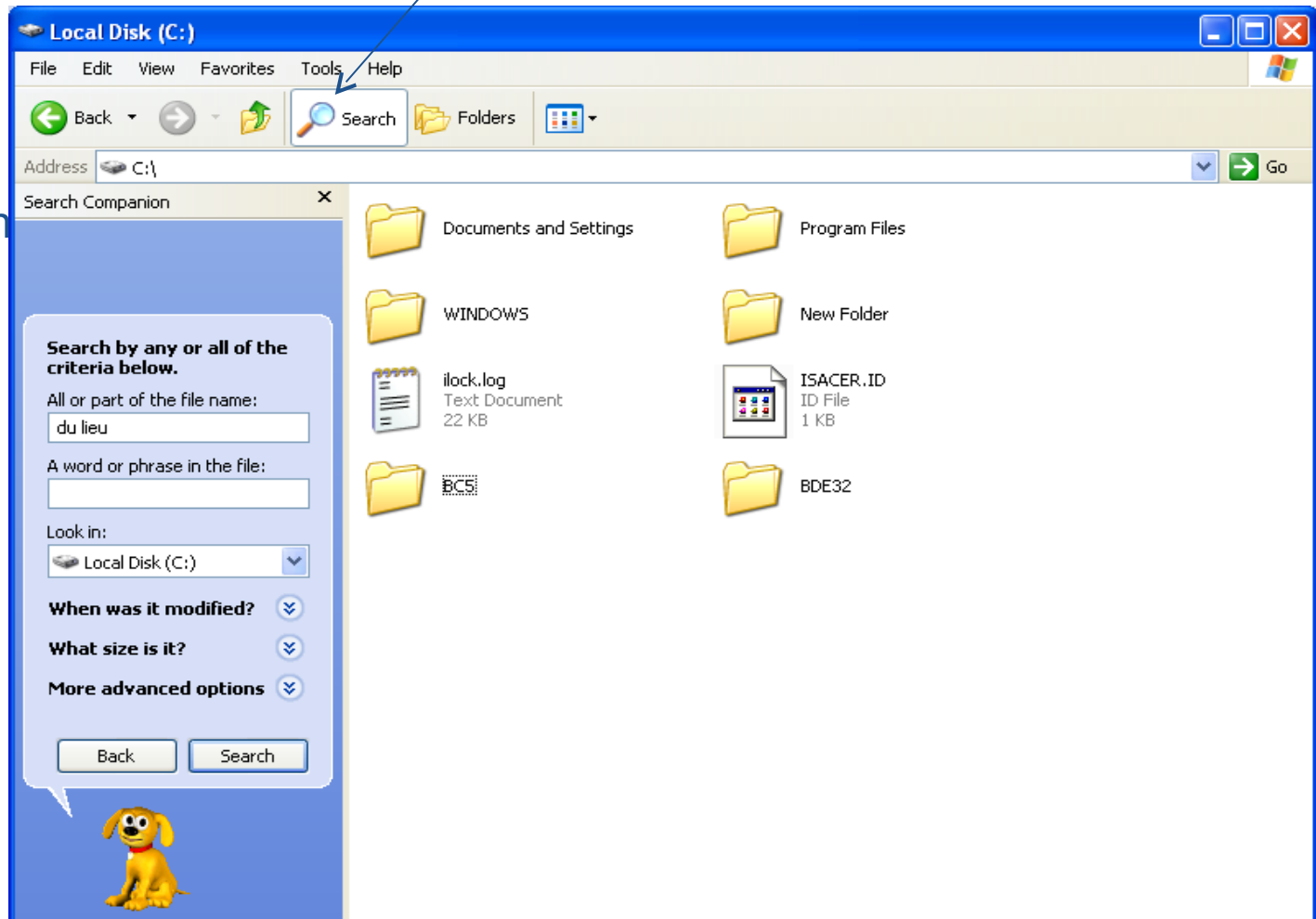
Tổng kết



c. Tìm kiếm

Nút mở phần tìm kiếm

Điền các tùy chọn tìm kiếm



Tìm kiếm theo tên

Search by any or all of the criteria below.

All or part of the file name:

A word or phrase in the file:

Look in:

When was it modified?

What size is it?

More advanced options



1. Điền tên của tệp tin hoặc thư mục

2. Ấn Search

Tìm kiếm tệp tin chứa một cụm từ cụ thể

Search by any or all of the criteria below.

All or part of the file name:

A word or phrase in the file:

Look in:

When was it modified?

What size is it?

More advanced options



1. Điền cụm từ cụ thể

2. Có thể xác định vị trí tìm kiếm qua *look in*

3. Ấn Search

Tìm kiếm tệp tin theo thời gian sửa đổi

Search by any or all of the criteria below.

All or part of the file name:

A word or phrase in the file:

Look in:

When was it modified?

Don't remember
 Within the last week
 Past month
 Within the past year
 Specify dates


Modified Date

from

to

What size is it?

More advanced options

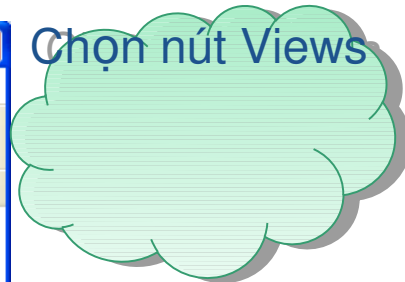
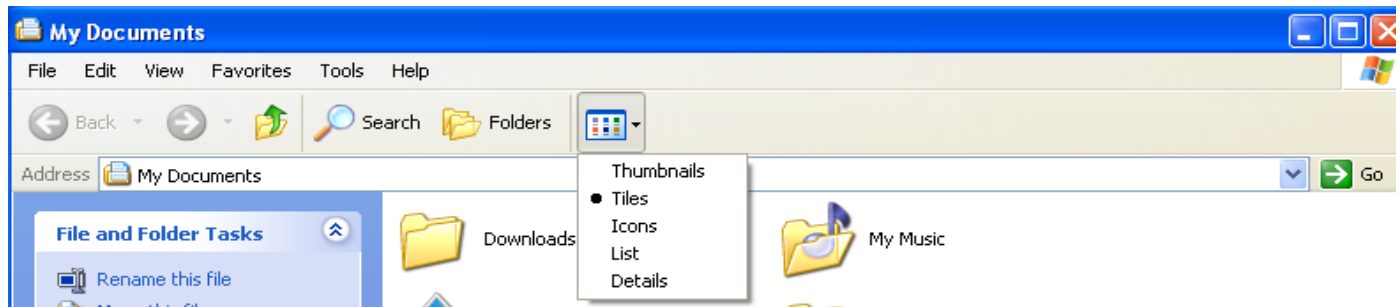


1. Chọn *When was it modified?*

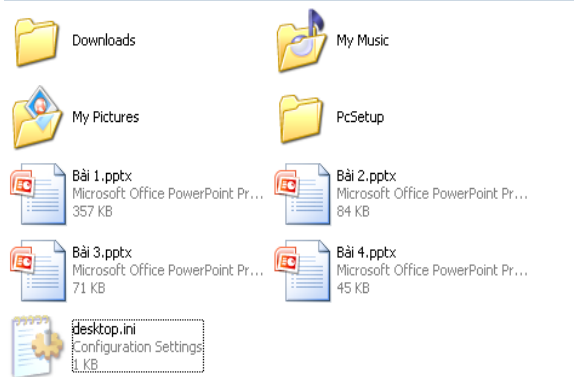
2. Xác định tùy chọn về thời gian

3. Ấn Search

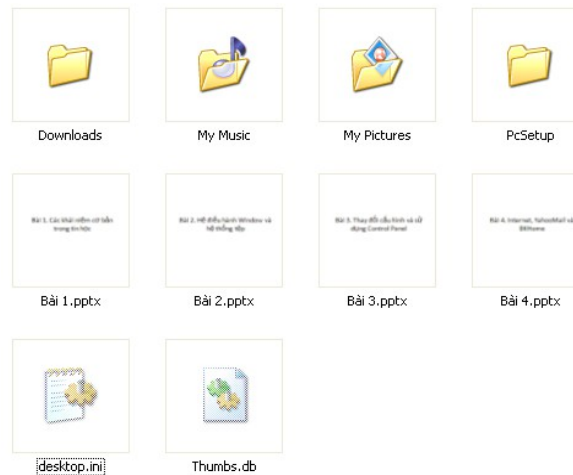
d. Hiển thị tệp tin, thư mục



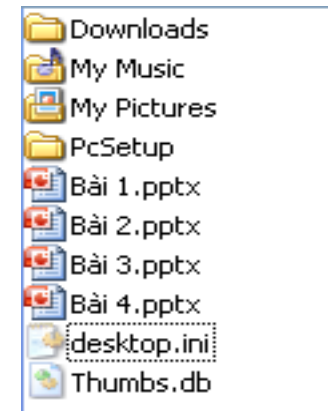
Titles



Thumbnails



List



Nội dung trình bày

- ❖ 1.1. Thao tác cơ bản sử dụng máy tính
- ❖ 1.2. Màn hình nền desktop
- ❖ 1.3. Quản lý tệp tin và thư mục
- ❖ 1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer



1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer

- ❖ 1.4.1. Biểu tượng tắt
- ❖ 1.4.2. Sắp xếp biểu tượng
- ❖ 1.4.3. Các chế độ hiển thị
- ❖ 1.4.4. Sọt rác
- ❖ 1.4.5. Tìm kiếm tệp
- ❖ 1.4.6. Nén và giải nén tệp tin

1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer

❖ 1.4.1. Biểu tượng tắt

❖ 1.4.2. Sắp xếp biểu tượng

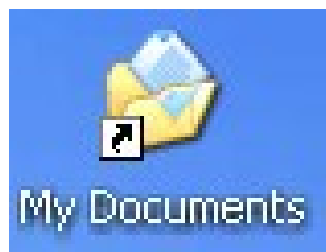
❖ 1.4.3. Sọt rác

❖ 1.4.4. Tìm kiếm tệp

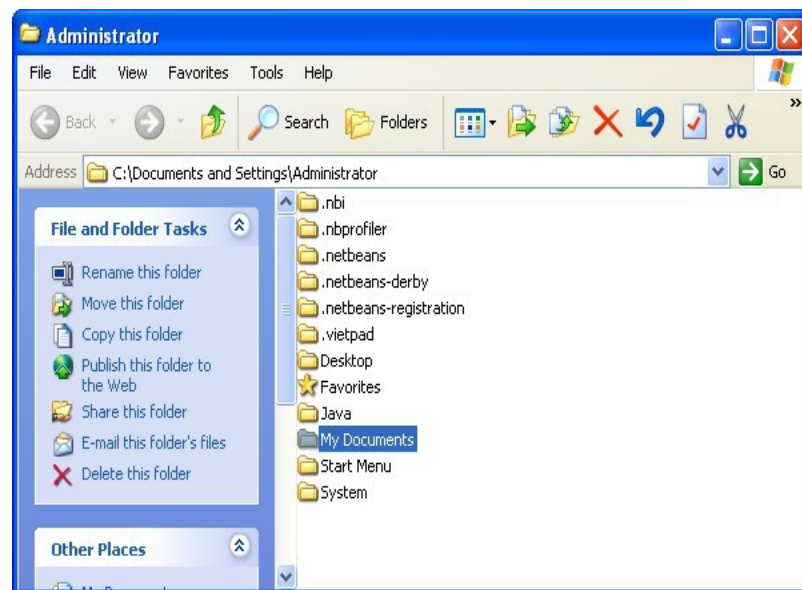
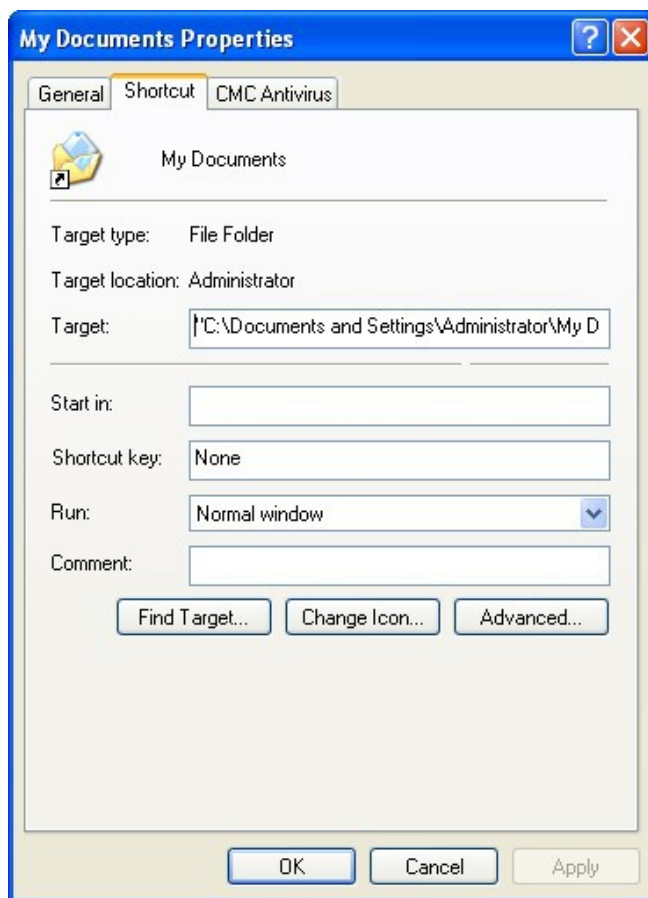
❖ 1.4.5. Nén và giải nén tệp tin

1.4.1. Biểu tượng tắt

❖ Lối tắt đến đối tượng



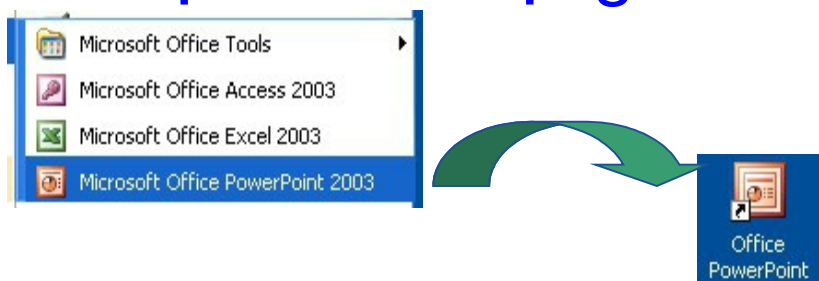
Biểu tượng tắt



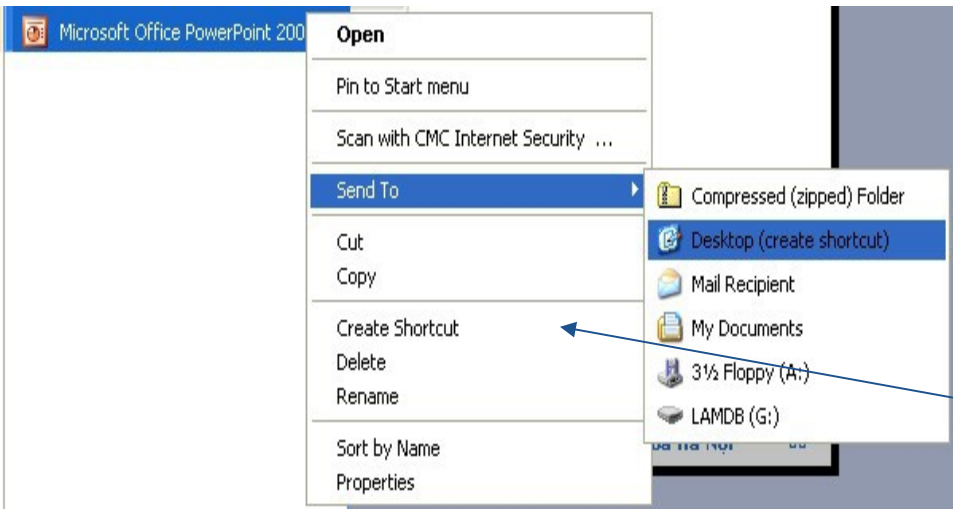
Thư mục

1.4.1. Biểu tượng tắt

❖ Tạo biểu tượng tắt



Cách 1. Kéo thả đối tượng ra màn hình



Cách 2. Chọn Send to, Desktop (create shortcut)

Cách 3. Chọn Create shortcut

1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer

- ❖ 1.4.1. Biểu tượng tắt

- ❖ 1.4.2. Sắp xếp biểu tượng

- ❖ 1.4.3. Sọt rác

- ❖ 1.4.4. Tìm kiếm tệp

- ❖ 1.4.5. Nén và giải nén tệp tin

1.4.2. Sắp xếp biểu tượng

- ❖ Nhấp phải,
- ❖ Chọn Arrange Icons by

Ban đầu



Theo loại



Theo tên

1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer

❖ 1.4.1. Biểu tượng tắt

❖ 1.4.2. Sắp xếp biểu tượng

❖ 1.4.3. Sọt rác

❖ 1.4.4. Tìm kiếm tệp

❖ 1.4.5. Nén và giải nén tệp tin

1.4.4. Sọt rác



Biểu tượng

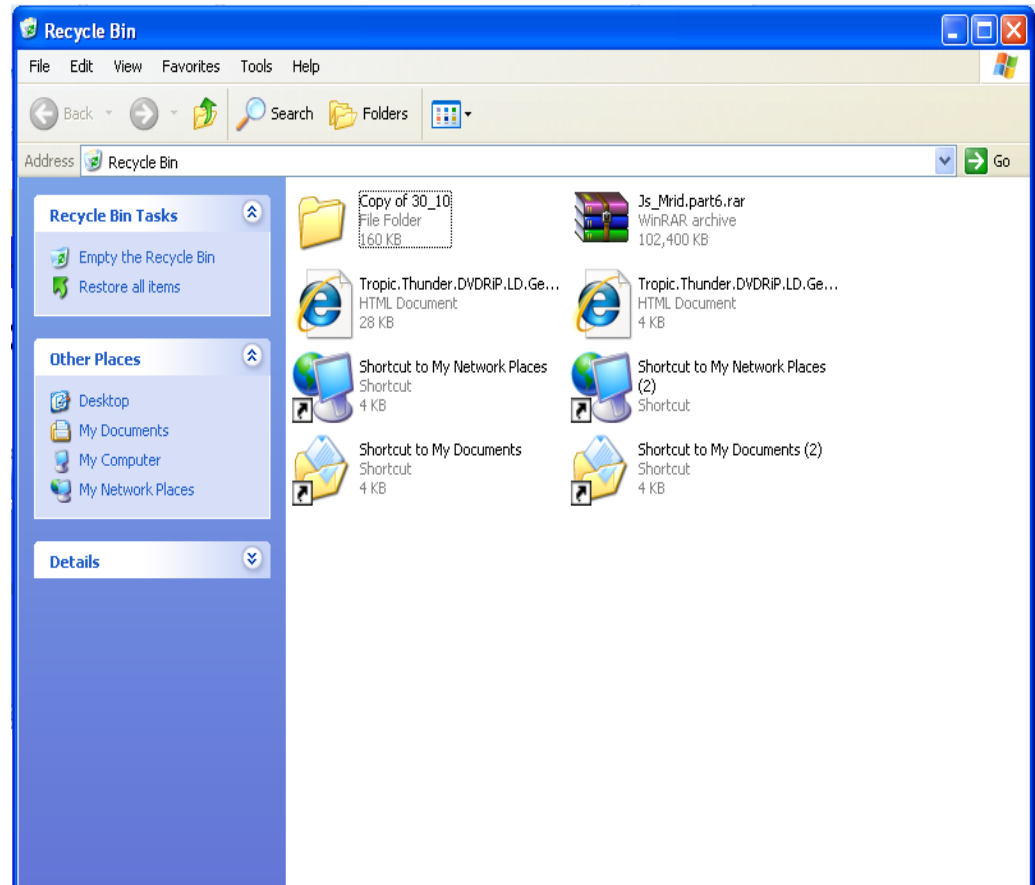
Là nơi tạm chứa các đối tượng bị xóa

Các thao tác

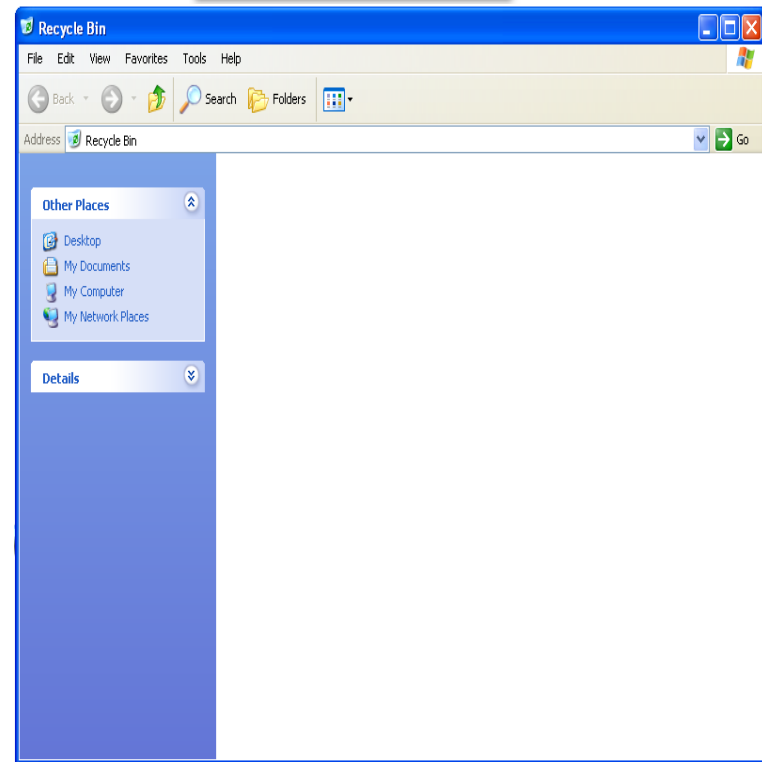
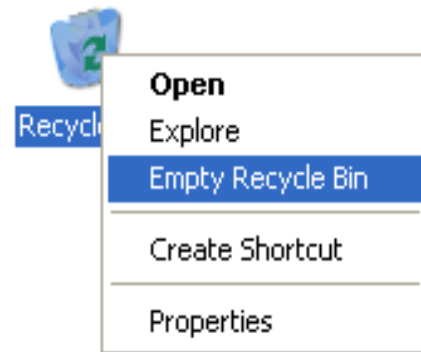
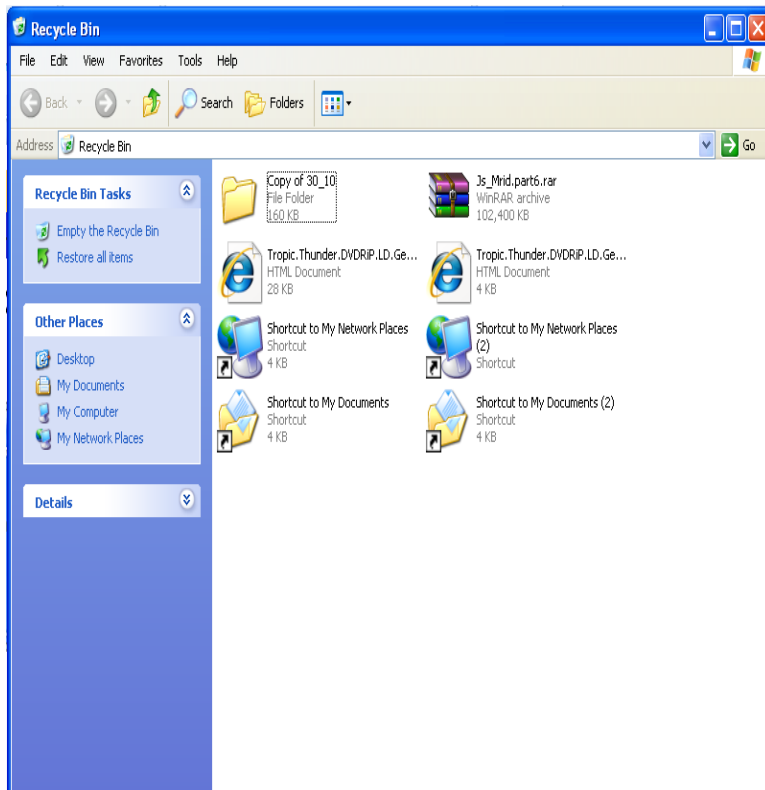


a. Mở sọt rác

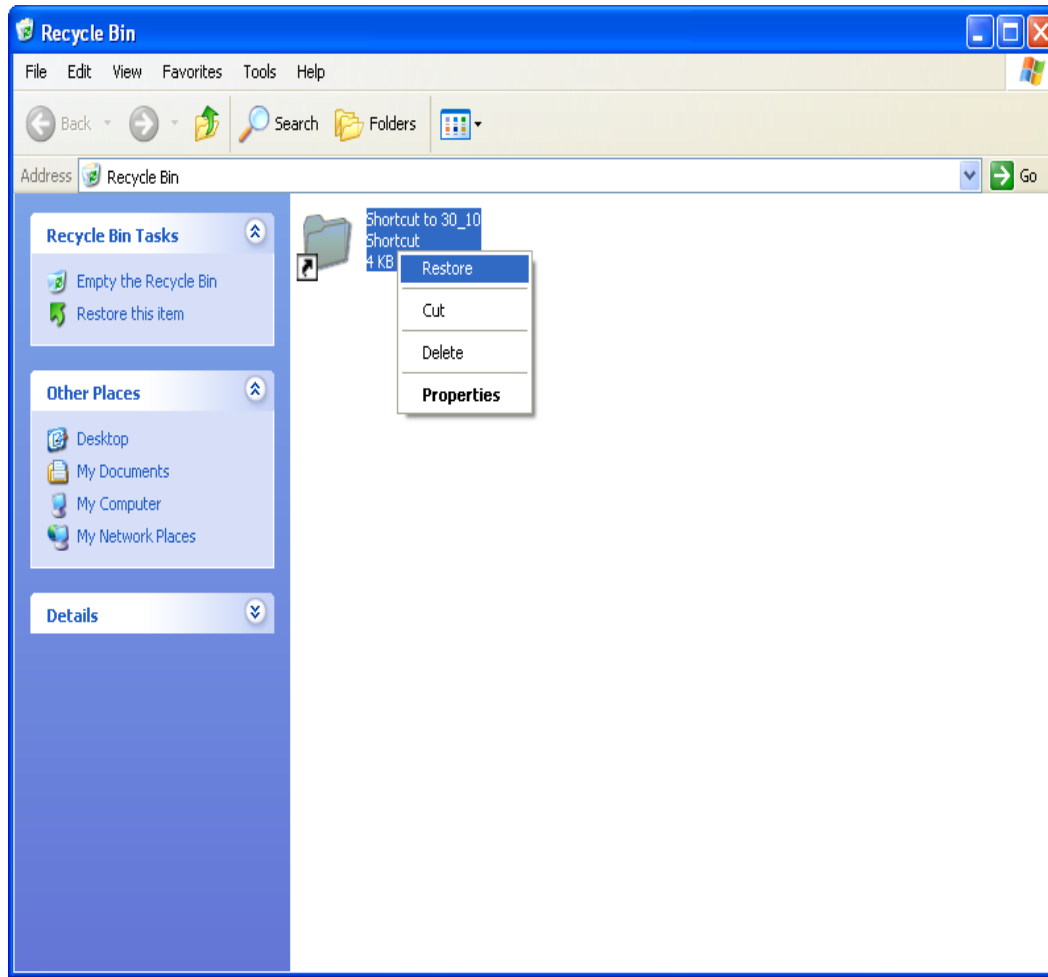
❖ Xem các đối tượng bị xóa chứa trong sọt rác



b. Làm sạch sọt rác



c. Khôi phục đối tượng trong sọt rác



1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer

- ❖ 1.4.1. Biểu tượng tắt
- ❖ 1.4.2. Sắp xếp biểu tượng
- ❖ 1.4.3. Sọt rác
- ❖ 1.4.5. Tìm kiếm tệp
- ❖ 1.4.6. Nén và giải nén tệp tin
- ❖ 1.4.7. Bài thực hành 2.4

1.4.5. Tìm kiếm tệp

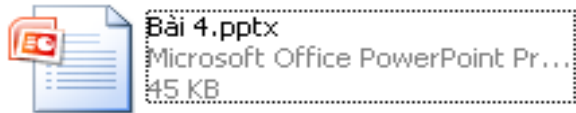
❖ Chọn Search từ thực đơn Start



1.4. Làm việc trên desktop và Windows Explorer

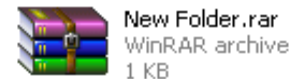
- ❖ 1.4.1. Biểu tượng tắt
- ❖ 1.4.2. Sắp xếp biểu tượng
- ❖ 1.4.3. Sọt rác
- ❖ 1.4.5. Tìm kiếm tệp
- ❖ 1.4.6. Nén và giải nén tệp tin
- ❖ 1.4.7. Bài thực hành

a. Nén



Nén một tệp tin thành tệp có kích cỡ nhỏ hơn mà không mất dữ liệu

Nén một thư mục thành một tệp tin duy nhất



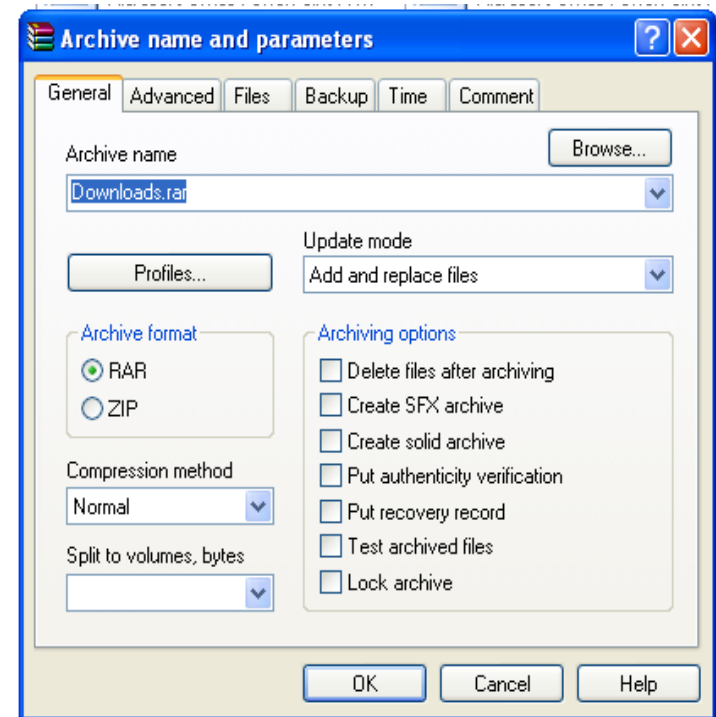
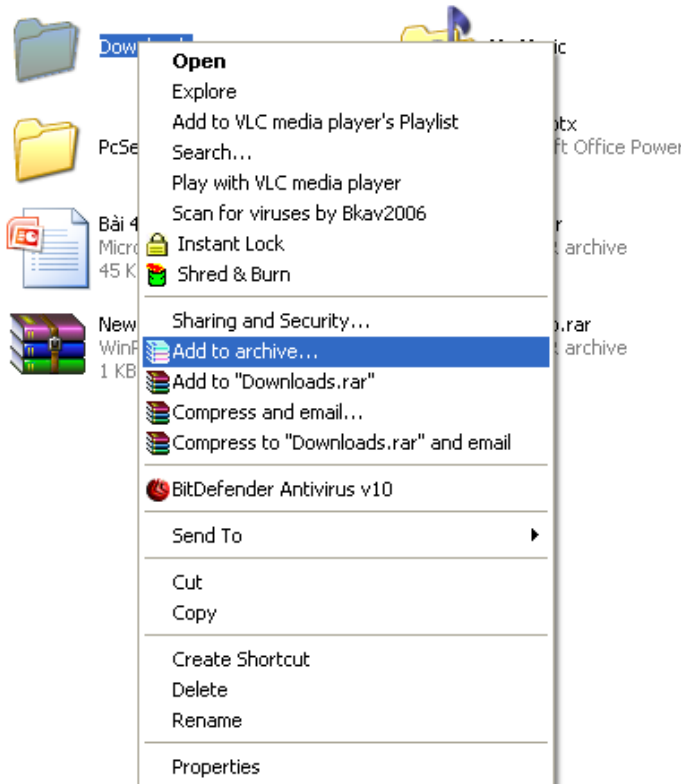
b. Cách nén

❖ Sử dụng chương trình Winrar:



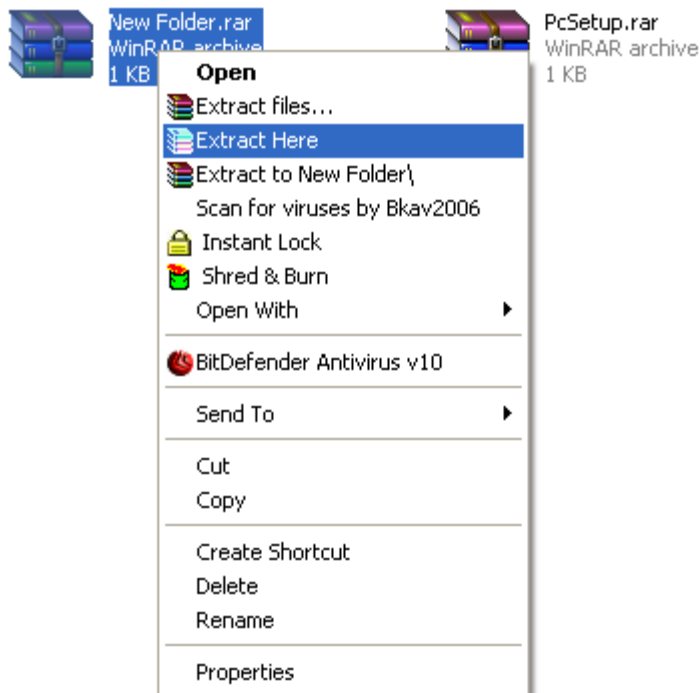
WinRAR.exe

- Cài đặt winrar vào máy trước khi thao tác



c. Giải nén

- ❖ Sau khi nén, ta có thể tiến hành giải nén để khôi phục đối tượng ban đầu:



Nhấp chuột phải, chọn
Extract Here hoặc *Extract files*,
Extract to NewFolder